

Khoá: 294

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ**  
**MÔN HỌC: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI**  
**(Kèm theo quyết định số 294 ngày 30 tháng 6 năm 2023)**

| STT | Tên phối chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 1   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thùy Dung           | 14/07/2004 | D2306130  | C00878292 | 30/06/2023 |
| 2   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mạnh Tuấn       | 21/02/2004 | D2306131  | C00878293 | 30/06/2023 |
| 3   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Anh            | 30/12/2004 | D2306132  | C00878294 | 30/06/2023 |
| 4   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ôc Thị Quỳnh Anh       | 30/07/2004 | D2306133  | C00878295 | 30/06/2023 |
| 5   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Vân Anh         | 29/07/2003 | D2306134  | C00878296 | 30/06/2023 |
| 6   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Thanh Bình       | 09/09/2004 | D2306135  | C00878297 | 30/06/2023 |
| 7   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Diệu            | 22/08/2004 | D2306136  | C00878298 | 30/06/2023 |
| 8   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thùy Dương        | 30/09/2004 | D2306137  | C00878299 | 30/06/2023 |
| 9   | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Thu Hằng          | 31/12/2004 | D2306138  | C00878300 | 30/06/2023 |
| 10  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Huyền  | 29/05/2003 | D2306139  | C00878301 | 30/06/2023 |
| 11  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Lan Hương   | 05/08/2004 | D2306140  | C00878302 | 30/06/2023 |
| 12  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Lam         | 29/02/2004 | D2306141  | C00878303 | 30/06/2023 |
| 13  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lưu Thảo Linh          | 13/08/2004 | D2306142  | C00878304 | 30/06/2023 |
| 14  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Khánh Linh        | 21/06/2004 | D2306143  | C00878305 | 30/06/2023 |
| 15  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Khánh Ly      | 14/12/2004 | D2306144  | C00878306 | 30/06/2023 |
| 16  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hải Ngân        | 11/05/2004 | D2306145  | C00878307 | 30/06/2023 |
| 17  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Ngọc       | 16/01/2004 | D2306146  | C00878308 | 30/06/2023 |
| 18  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Kiều Oanh       | 25/09/2004 | D2306147  | C00878309 | 30/06/2023 |
| 19  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương      | 16/08/2004 | D2306148  | C00878310 | 30/06/2023 |
| 20  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tuệ Tâm         | 05/08/2004 | D2306149  | C00878311 | 30/06/2023 |
| 21  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thi         | 14/04/2004 | D2306150  | C00878312 | 30/06/2023 |
| 22  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Khương Thị Huyền Trang | 28/03/2004 | D2306151  | C00878313 | 30/06/2023 |
| 23  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Ngọc Hạ Vy       | 27/01/2004 | D2306152  | C00878314 | 30/06/2023 |
| 24  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chi Thị Minh           | 26/09/2003 | D2306153  | C00878315 | 30/06/2023 |
| 25  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Đăng Dương        | 19/09/2004 | D2306154  | C00878316 | 30/06/2023 |
| 26  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Huy Hoàng       | 10/12/2004 | D2306155  | C00878317 | 30/06/2023 |
| 27  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Lâm       | 04/11/2004 | D2306156  | C00878318 | 30/06/2023 |
| 28  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Tuyết Anh          | 10/07/2004 | D2306157  | C00878319 | 30/06/2023 |
| 29  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Minh Anh          | 05/01/2004 | D2306158  | C00878320 | 30/06/2023 |
| 30  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Bảo Châu    | 05/03/2004 | D2306159  | C00878321 | 30/06/2023 |
| 31  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thu Đông          | 11/04/2004 | D2306160  | C00878322 | 30/06/2023 |
| 32  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Minh Hằng         | 28/09/2004 | D2306161  | C00878323 | 30/06/2023 |
| 33  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Hương   | 25/05/2004 | D2306162  | C00878324 | 30/06/2023 |
| 34  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Hà Linh        | 24/10/2004 | D2306163  | C00878325 | 30/06/2023 |
| 35  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Phương Linh       | 29/10/2004 | D2306164  | C00878326 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 36  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tuyết Ngân      | 08/09/2004 | D2306165  | C00878327 | 30/06/2023 |
| 37  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc        | 16/11/2004 | D2306166  | C00878328 | 30/06/2023 |
| 38  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Ánh Nguyệt    | 23/10/2004 | D2306167  | C00878329 | 30/06/2023 |
| 39  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Anh      | 12/01/2004 | D2306168  | C00878330 | 30/06/2023 |
| 40  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Quyên       | 08/04/2004 | D2306169  | C00878331 | 30/06/2023 |
| 41  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Phúc Tâm          | 10/03/2004 | D2306170  | C00878332 | 30/06/2023 |
| 42  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Anh Thơ       | 24/02/2004 | D2306171  | C00878333 | 30/06/2023 |
| 43  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ninh Thị Đoan Trang    | 18/01/2004 | D2306172  | C00878334 | 30/06/2023 |
| 44  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Văn Hoàng       | 15/04/2004 | D2306173  | C00878335 | 30/06/2023 |
| 45  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Cao Tuấn Phong         | 14/01/2004 | D2306174  | C00878336 | 30/06/2023 |
| 46  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Ngọc Ánh          | 12/05/2004 | D2306175  | C00878337 | 30/06/2023 |
| 47  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Minh Châu        | 25/11/2004 | D2306176  | C00878338 | 30/06/2023 |
| 48  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Phương Dung  | 28/04/2004 | D2306177  | C00878339 | 30/06/2023 |
| 49  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Dung Mỹ Hạnh     | 18/06/2004 | D2306178  | C00878340 | 30/06/2023 |
| 50  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 02/11/2004 | D2306179  | C00878341 | 30/06/2023 |
| 51  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Thị Linh Hương      | 16/10/2004 | D2306180  | C00878342 | 30/06/2023 |
| 52  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Lan         | 26/05/2004 | D2306181  | C00878343 | 30/06/2023 |
| 53  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thùy Linh         | 15/11/2004 | D2306182  | C00878344 | 30/06/2023 |
| 54  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoàng Mai       | 28/05/2004 | D2306183  | C00878345 | 30/06/2023 |
| 55  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thảo My         | 16/05/2004 | D2306184  | C00878346 | 30/06/2023 |
| 56  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trần Hà Phương  | 24/09/2004 | D2306185  | C00878347 | 30/06/2023 |
| 57  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Kim Thoa    | 13/12/2004 | D2306186  | C00878348 | 30/06/2023 |
| 58  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đậu Thị Thùy           | 20/04/2004 | D2306187  | C00878349 | 30/06/2023 |
| 59  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Xuân      | 12/06/2004 | D2306188  | C00878350 | 30/06/2023 |
| 60  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đình Việt       | 04/09/2004 | D2306189  | C00878351 | 30/06/2023 |
| 61  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lộ Văn Anh             | 06/07/2003 | D2306190  | C00878352 | 30/06/2023 |
| 62  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Ngọc Vân Anh      | 22/09/2004 | D2306191  | C00878353 | 30/06/2023 |
| 63  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Ánh        | 27/06/2004 | D2306192  | C00878354 | 30/06/2023 |
| 64  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Minh Châu       | 12/09/2004 | D2306193  | C00878355 | 30/06/2023 |
| 65  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Luyện Thị Thùy Duyên   | 11/12/2004 | D2306194  | C00878356 | 30/06/2023 |
| 66  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thùy Dương         | 14/11/2004 | D2306195  | C00878357 | 30/06/2023 |
| 67  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thủy Hà         | 28/04/2004 | D2306196  | C00878358 | 30/06/2023 |
| 68  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Lan Hương         | 06/02/2004 | D2306197  | C00878359 | 30/06/2023 |
| 69  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Khánh Linh        | 17/11/2003 | D2306198  | C00878360 | 30/06/2023 |
| 70  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Linh           | 27/07/2004 | D2306199  | C00878361 | 30/06/2023 |
| 71  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hương Ly        | 21/04/2004 | D2306200  | C00878362 | 30/06/2023 |
| 72  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Quỳnh Nga       | 11/09/2003 | D2306201  | C00878363 | 30/06/2023 |
| 73  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Ngân       | 03/04/2004 | D2306202  | C00878364 | 30/06/2023 |
| 74  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Ngọc Linh Nhi     | 19/09/2004 | D2306203  | C00878365 | 30/06/2023 |
| 75  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương      | 09/02/2004 | D2306204  | C00878366 | 30/06/2023 |
| 76  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thủy Quỳnh        | 15/06/2002 | D2306205  | C00878367 | 30/06/2023 |
| 77  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Thảo        | 03/09/2004 | D2306206  | C00878368 | 30/06/2023 |
| 78  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hiền Thục         | 22/11/2004 | D2306207  | C00878369 | 30/06/2023 |
| 79  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Thu Trang       | 23/01/2004 | D2306208  | C00878370 | 30/06/2023 |
| 80  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thảo Uyên           | 26/06/2003 | D2306209  | C00878371 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên               | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 81  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Thị Hằng            | 27/12/2002 | D2306210  | C00878372 | 30/06/2023 |
| 82  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hồng Duyên           | 03/04/2002 | D2306211  | C00878373 | 30/06/2023 |
| 83  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Quang Huy          | 12/12/2002 | D2306212  | C00878374 | 30/06/2023 |
| 84  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoàng Thanh Ngân | 06/10/2002 | D2306213  | C00878375 | 30/06/2023 |
| 85  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Việt Hà          | 22/12/2002 | D2306214  | C00878376 | 30/06/2023 |
| 86  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trung Quân       | 25/06/2004 | D2306215  | C00878377 | 30/06/2023 |
| 87  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Đức Công             | 10/03/2004 | D2306216  | C00878378 | 30/06/2023 |
| 88  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Gia Hưng         | 19/10/2004 | D2306217  | C00878379 | 30/06/2023 |
| 89  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Đại Việt           | 25/07/2003 | D2306218  | C00878380 | 30/06/2023 |
| 90  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Trần Phương Anh    | 06/12/2004 | D2306219  | C00878381 | 30/06/2023 |
| 91  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Kim Anh           | 31/07/2004 | D2306220  | C00878382 | 30/06/2023 |
| 92  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lương Kiều Anh          | 23/11/2004 | D2306221  | C00878383 | 30/06/2023 |
| 93  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tú Anh           | 02/03/2004 | D2306222  | C00878384 | 30/06/2023 |
| 94  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Ngọc Ánh           | 10/02/2004 | D2306223  | C00878385 | 30/06/2023 |
| 95  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Ba       | 12/12/2004 | D2306224  | C00878386 | 30/06/2023 |
| 96  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Minh Châu          | 15/10/2004 | D2306225  | C00878387 | 30/06/2023 |
| 97  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Lê Thùy Dung      | 06/05/2004 | D2306226  | C00878388 | 30/06/2023 |
| 98  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Thị Hà              | 23/05/2004 | D2306227  | C00878389 | 30/06/2023 |
| 99  | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Kiều Thanh Huyền        | 19/10/2004 | D2306228  | C00878390 | 30/06/2023 |
| 100 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Lan Hương            | 26/04/2004 | D2306229  | C00878391 | 30/06/2023 |
| 101 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Mai Lan      | 15/02/2004 | D2306230  | C00878392 | 30/06/2023 |
| 102 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Lê Khánh Linh     | 09/02/2004 | D2306231  | C00878393 | 30/06/2023 |
| 103 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trần Khánh Linh  | 11/06/2004 | D2306232  | C00878394 | 30/06/2023 |
| 104 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Khánh Linh     | 25/07/2004 | D2306233  | C00878395 | 30/06/2023 |
| 105 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Ngọc        | 30/09/2004 | D2306234  | C00878396 | 30/06/2023 |
| 106 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Minh Nguyệt         | 17/11/2004 | D2306235  | C00878397 | 30/06/2023 |
| 107 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Như Quỳnh       | 12/08/2004 | D2306236  | C00878398 | 30/06/2023 |
| 108 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phương Minh Tâm         | 20/05/2004 | D2306237  | C00878399 | 30/06/2023 |
| 109 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Giang Thanh      | 24/03/2004 | D2306238  | C00878400 | 30/06/2023 |
| 110 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thanh Thủy         | 20/08/2003 | D2306239  | C00878401 | 30/06/2023 |
| 111 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Minh Thư     | 13/05/2004 | D2306240  | C00878402 | 30/06/2023 |
| 112 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Kiều Trang           | 16/01/2004 | D2306241  | C00878403 | 30/06/2023 |
| 113 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thu Trang      | 24/07/2004 | D2306242  | C00878404 | 30/06/2023 |
| 114 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Nữ Mai Ngọc         | 04/01/2004 | D2306243  | C00878405 | 30/06/2023 |
| 115 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tiến Duy Anh     | 08/09/2004 | D2306244  | C00878406 | 30/06/2023 |
| 116 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trường Giang     | 10/11/2004 | D2306245  | C00878407 | 30/06/2023 |
| 117 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Xuân Tùng        | 06/12/2004 | D2306246  | C00878408 | 30/06/2023 |
| 118 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Mai Anh         | 07/12/2004 | D2306247  | C00878409 | 30/06/2023 |
| 119 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Quỳnh Anh            | 21/12/2001 | D2306248  | C00878410 | 30/06/2023 |
| 120 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Anh             | 20/07/2004 | D2306249  | C00878411 | 30/06/2023 |
| 121 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Bảo Châu             | 29/03/2004 | D2306250  | C00878412 | 30/06/2023 |
| 122 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Linh Chi             | 21/02/2004 | D2306251  | C00878413 | 30/06/2023 |
| 123 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thủy Hà      | 10/05/2004 | D2306252  | C00878414 | 30/06/2023 |
| 124 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thanh Hằng         | 11/10/2004 | D2306253  | C00878415 | 30/06/2023 |
| 125 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Khánh Huyền          | 01/02/2004 | D2306254  | C00878416 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 126 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Minh Khuê           | 08/03/2004 | D2306255  | C00878417 | 30/06/2023 |
| 127 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Kiều Hoàng Phương Linh | 14/10/2004 | D2306256  | C00878418 | 30/06/2023 |
| 128 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Linh        | 01/11/2004 | D2306257  | C00878419 | 30/06/2023 |
| 129 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Linh Nhi        | 31/07/2004 | D2306258  | C00878420 | 30/06/2023 |
| 130 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Thu Phương          | 17/11/2003 | D2306259  | C00878421 | 30/06/2023 |
| 131 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trình Thị Thanh Thảo   | 07/05/2004 | D2306260  | C00878422 | 30/06/2023 |
| 132 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngân Thương         | 16/03/2004 | D2306261  | C00878423 | 30/06/2023 |
| 133 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Nguyễn Thùy Linh    | 26/09/2002 | D2306262  | C00878424 | 30/06/2023 |
| 134 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Anh Phương      | 05/11/2002 | D2306263  | C00878425 | 30/06/2023 |
| 135 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Quỳnh Chi         | 21/01/2004 | D2306264  | C00878426 | 30/06/2023 |
| 136 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Kỳ Thái           | 21/09/2004 | D2306265  | C00878427 | 30/06/2023 |
| 137 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Bích Ngọc         | 27/11/2004 | D2306266  | C00878428 | 30/06/2023 |
| 138 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đỗ Quang Duy    | 27/05/2003 | D2306267  | C00878429 | 30/06/2023 |
| 139 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Minh Anh        | 12/07/2003 | D2306268  | C00878430 | 30/06/2023 |
| 140 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Hải Anh           | 29/03/2004 | D2306269  | C00878431 | 30/06/2023 |
| 141 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Văn Châu           | 15/10/2004 | D2306270  | C00878432 | 30/06/2023 |
| 142 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Ngọc Diệp         | 03/11/2004 | D2306271  | C00878433 | 30/06/2023 |
| 143 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thu Giang          | 23/11/2004 | D2306272  | C00878434 | 30/06/2023 |
| 144 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Đan Lê            | 24/10/2004 | D2306273  | C00878435 | 30/06/2023 |
| 145 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khánh Linh      | 08/05/2002 | D2306274  | C00878436 | 30/06/2023 |
| 146 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Khánh Ly          | 06/04/2004 | D2306275  | C00878437 | 30/06/2023 |
| 147 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Kim Ngân    | 19/11/2004 | D2306276  | C00878438 | 30/06/2023 |
| 148 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bảo Ngọc        | 08/10/2004 | D2306277  | C00878439 | 30/06/2023 |
| 149 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Như Quỳnh    | 05/10/2004 | D2306278  | C00878440 | 30/06/2023 |
| 150 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Thanh Thảo      | 12/01/2004 | D2306279  | C00878441 | 30/06/2023 |
| 151 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lưu Minh Trang         | 11/09/2004 | D2306280  | C00878442 | 30/06/2023 |
| 152 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Diệu Vân        | 24/07/2003 | D2306281  | C00878443 | 30/06/2023 |
| 153 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Quốc An             | 10/04/2004 | D2306282  | C00878444 | 30/06/2023 |
| 154 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Đức Dũng           | 20/01/2004 | D2306283  | C00878445 | 30/06/2023 |
| 155 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Minh Hiếu           | 05/11/2003 | D2306284  | C00878446 | 30/06/2023 |
| 156 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Nhật Anh          | 22/06/2004 | D2306285  | C00878447 | 30/06/2023 |
| 157 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngân Hà     | 16/06/2004 | D2306286  | C00878448 | 30/06/2023 |
| 158 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Khánh Hạ          | 02/09/2004 | D2306287  | C00878449 | 30/06/2023 |
| 159 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Thị Thu Hiền       | 15/11/2004 | D2306288  | C00878450 | 30/06/2023 |
| 160 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thuý Hiền           | 04/11/2004 | D2306289  | C00878451 | 30/06/2023 |
| 161 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Linh           | 30/10/2004 | D2306290  | C00878452 | 30/06/2023 |
| 162 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Khánh Linh         | 22/07/2004 | D2306291  | C00878453 | 30/06/2023 |
| 163 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Hà My               | 11/03/2004 | D2306292  | C00878454 | 30/06/2023 |
| 164 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Trà My      | 27/04/2004 | D2306293  | C00878455 | 30/06/2023 |
| 165 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hồng Minh Ngọc      | 19/11/2004 | D2306294  | C00878456 | 30/06/2023 |
| 166 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Huyền Phương       | 18/11/2004 | D2306295  | C00878457 | 30/06/2023 |
| 167 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Phương Thắm       | 07/06/2004 | D2306296  | C00878458 | 30/06/2023 |
| 168 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Thu Trang          | 02/01/2004 | D2306297  | C00878459 | 30/06/2023 |
| 169 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 14/08/2004 | D2306298  | C00878460 | 30/06/2023 |
| 170 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thu Trang     | 08/11/2004 | D2306299  | C00878461 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phối chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 171 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tú Uyên         | 03/08/2003 | D2306300  | C00878462 | 30/06/2023 |
| 172 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Thị Tô Uyên       | 31/05/2002 | D2306301  | C00878463 | 30/06/2023 |
| 173 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Thủy Vân           | 16/09/2004 | D2306302  | C00878464 | 30/06/2023 |
| 174 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Hà Vy            | 09/03/2004 | D2306303  | C00878465 | 30/06/2023 |
| 175 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Hà Vy             | 05/11/2004 | D2306304  | C00878466 | 30/06/2023 |
| 176 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Đoàn Phi Yên      | 04/12/2004 | D2306305  | C00878467 | 30/06/2023 |
| 177 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Hải Yên       | 19/04/2004 | D2306306  | C00878468 | 30/06/2023 |
| 178 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đức An          | 08/06/2004 | D2306307  | C00878469 | 30/06/2023 |
| 179 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Đức Lương        | 01/02/2004 | D2306308  | C00878470 | 30/06/2023 |
| 180 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hồ Minh Châu    | 09/10/2004 | D2306309  | C00878471 | 30/06/2023 |
| 181 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hà Chi            | 30/06/2004 | D2306310  | C00878472 | 30/06/2023 |
| 182 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Phương Dung    | 29/07/2004 | D2306311  | C00878473 | 30/06/2023 |
| 183 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Hương Giang    | 18/11/2004 | D2306312  | C00878474 | 30/06/2023 |
| 184 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hồng Hạnh           | 23/08/2004 | D2306313  | C00878475 | 30/06/2023 |
| 185 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Hồng Hoa          | 04/10/2004 | D2306314  | C00878476 | 30/06/2023 |
| 186 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đàm Thị Thúy Hợp       | 09/09/2004 | D2306315  | C00878477 | 30/06/2023 |
| 187 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Quỳnh Hương   | 11/12/2004 | D2306316  | C00878478 | 30/06/2023 |
| 188 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tú Lam          | 20/12/2004 | D2306317  | C00878479 | 30/06/2023 |
| 189 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Trần Nhật Minh     | 18/10/2004 | D2306318  | C00878480 | 30/06/2023 |
| 190 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Lan Nhi       | 02/03/2004 | D2306319  | C00878481 | 30/06/2023 |
| 191 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | 04/01/2004 | D2306320  | C00878482 | 30/06/2023 |
| 192 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Vân Sa       | 05/02/2004 | D2306321  | C00878483 | 30/06/2023 |
| 193 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Yên Thanh       | 02/08/2004 | D2306322  | C00878484 | 30/06/2023 |
| 194 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khánh Thu       | 16/04/2004 | D2306323  | C00878485 | 30/06/2023 |
| 195 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Diệu Thúy     | 19/07/2004 | D2306324  | C00878486 | 30/06/2023 |
| 196 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Trang       | 18/03/2004 | D2306325  | C00878487 | 30/06/2023 |
| 197 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Sơn Trúc      | 03/11/2004 | D2306326  | C00878488 | 30/06/2023 |
| 198 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Bích Vân    | 12/06/2004 | D2306327  | C00878489 | 30/06/2023 |
| 199 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thu Huệ            | 13/10/2003 | D2306328  | C00878490 | 30/06/2023 |
| 200 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Thị Quỳnh Nga   | 16/11/2003 | D2306329  | C00878491 | 30/06/2023 |
| 201 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Vân          | 14/09/2003 | D2306330  | C00878492 | 30/06/2023 |
| 202 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lương Minh Quân        | 21/08/2004 | D2306331  | C00878493 | 30/06/2023 |
| 203 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Cao Hải Anh            | 27/10/2004 | D2306332  | C00878494 | 30/06/2023 |
| 204 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nghiêm Thị Hải Anh     | 25/12/2004 | D2306333  | C00878495 | 30/06/2023 |
| 205 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Phương Chi    | 14/02/2004 | D2306334  | C00878496 | 30/06/2023 |
| 206 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vương Huyền Đan        | 06/09/2004 | D2306335  | C00878497 | 30/06/2023 |
| 207 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Khánh Linh         | 20/09/2004 | D2306336  | C00878498 | 30/06/2023 |
| 208 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Thịnh Phương Loan      | 20/04/2004 | D2306337  | C00878499 | 30/06/2023 |
| 209 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Trà My          | 25/06/2004 | D2306338  | C00878500 | 30/06/2023 |
| 210 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Trà My          | 08/09/2004 | D2306339  | C00878501 | 30/06/2023 |
| 211 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Bích Ngọc      | 11/03/2004 | D2306340  | C00878502 | 30/06/2023 |
| 212 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 02/10/2004 | D2306341  | C00878503 | 30/06/2023 |
| 213 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Lan Phương      | 22/08/2003 | D2306342  | C00878504 | 30/06/2023 |
| 214 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Phương Thảo       | 14/06/2004 | D2306343  | C00878505 | 30/06/2023 |
| 215 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thuý Trang      | 20/04/2004 | D2306344  | C00878506 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phối chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 216 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thảo Vân    | 16/12/2003 | D2306345  | C00878507 | 30/06/2023 |
| 217 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hà Vi       | 02/02/2004 | D2306346  | C00878508 | 30/06/2023 |
| 218 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thủy Nhi        | 30/05/2004 | D2306347  | C00878509 | 30/06/2023 |
| 219 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Đăng Quang         | 14/01/2004 | D2306348  | C00878510 | 30/06/2023 |
| 220 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Hoàng Quân        | 09/01/2004 | D2306349  | C00878511 | 30/06/2023 |
| 221 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Nhật Tân           | 12/10/2004 | D2306350  | C00878512 | 30/06/2023 |
| 222 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Hải Anh             | 20/12/2004 | D2306351  | C00878513 | 30/06/2023 |
| 223 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thúy An             | 28/12/2003 | D2306352  | C00878514 | 30/06/2023 |
| 224 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Diệu Anh           | 07/11/2004 | D2306353  | C00878515 | 30/06/2023 |
| 225 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Huyền Anh         | 18/09/2004 | D2306354  | C00878516 | 30/06/2023 |
| 226 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Thị Cúc           | 27/06/2004 | D2306355  | C00878517 | 30/06/2023 |
| 227 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương Dung | 06/02/2004 | D2306356  | C00878518 | 30/06/2023 |
| 228 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thái Hà           | 21/07/2004 | D2306357  | C00878519 | 30/06/2023 |
| 229 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Hằng      | 12/11/2004 | D2306358  | C00878520 | 30/06/2023 |
| 230 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Hoa          | 03/11/2004 | D2306359  | C00878521 | 30/06/2023 |
| 231 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thu Hường           | 12/02/2004 | D2306360  | C00878522 | 30/06/2023 |
| 232 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ta Thị Hoàng Lan       | 22/04/2004 | D2306361  | C00878523 | 30/06/2023 |
| 233 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hoàng Lê            | 26/10/2004 | D2306362  | C00878524 | 30/06/2023 |
| 234 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Mẫn            | 10/04/2004 | D2306363  | C00878525 | 30/06/2023 |
| 235 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Quách Bảo Ngân         | 24/03/2004 | D2306364  | C00878526 | 30/06/2023 |
| 236 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tô Mỹ Ngân             | 06/01/2004 | D2306365  | C00878527 | 30/06/2023 |
| 237 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Vũ Phương Nhi   | 15/09/2004 | D2306366  | C00878528 | 30/06/2023 |
| 238 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tổng Thị Kim Oanh      | 24/09/2004 | D2306367  | C00878529 | 30/06/2023 |
| 239 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Dương Tùng Lâm  | 04/07/2004 | D2306368  | C00878530 | 30/06/2023 |
| 240 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thùy Anh          | 21/11/2004 | D2306369  | C00878531 | 30/06/2023 |
| 241 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Bá Minh             | 24/10/2004 | D2306370  | C00878532 | 30/06/2023 |
| 242 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Minh Quân        | 18/06/2004 | D2306371  | C00878533 | 30/06/2023 |
| 243 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Nguyễn Phương Anh   | 10/09/2004 | D2306372  | C00878534 | 30/06/2023 |
| 244 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoài Anh        | 19/05/2004 | D2306373  | C00878535 | 30/06/2023 |
| 245 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Bảo Anh           | 22/01/2004 | D2306374  | C00878536 | 30/06/2023 |
| 246 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Mai Chi            | 13/12/2004 | D2306375  | C00878537 | 30/06/2023 |
| 247 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Linh Đan          | 06/09/2004 | D2306376  | C00878538 | 30/06/2023 |
| 248 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trà Giang       | 22/10/2003 | D2306377  | C00878539 | 30/06/2023 |
| 249 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Hà            | 23/09/2004 | D2306378  | C00878540 | 30/06/2023 |
| 250 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Hân        | 09/08/2004 | D2306379  | C00878541 | 30/06/2023 |
| 251 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mai Hương       | 18/03/2004 | D2306380  | C00878542 | 30/06/2023 |
| 252 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Minh Lam           | 08/11/2004 | D2306381  | C00878543 | 30/06/2023 |
| 253 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương Lan  | 25/12/2004 | D2306382  | C00878544 | 30/06/2023 |
| 254 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Phương Ly          | 24/01/2004 | D2306383  | C00878545 | 30/06/2023 |
| 255 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Thị Trà My          | 06/01/2004 | D2306384  | C00878546 | 30/06/2023 |
| 256 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Như Ngọc        | 05/03/2004 | D2306385  | C00878547 | 30/06/2023 |
| 257 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thảo Nguyên     | 11/02/2004 | D2306386  | C00878548 | 30/06/2023 |
| 258 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Yến Nhi          | 25/11/2004 | D2306387  | C00878549 | 30/06/2023 |
| 259 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương      | 16/01/2004 | D2306388  | C00878550 | 30/06/2023 |
| 260 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thu Phương        | 11/10/2004 | D2306389  | C00878551 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên            | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 261 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Thị Thanh Tâm | 28/09/2004 | D2306390  | C00878552 | 30/06/2023 |
| 262 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Khánh Vy        | 22/06/2004 | D2306391  | C00878553 | 30/06/2023 |
| 263 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Trung Hiếu        | 21/10/2004 | D2306392  | C00878554 | 30/06/2023 |
| 264 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Lê Hoàng Nhân     | 13/03/2004 | D2306393  | C00878555 | 30/06/2023 |
| 265 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thanh Phong       | 16/02/2004 | D2306394  | C00878556 | 30/06/2023 |
| 266 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Minh Thắng       | 08/12/2003 | D2306395  | C00878557 | 30/06/2023 |
| 267 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Anh    | 29/08/2004 | D2306396  | C00878558 | 30/06/2023 |
| 268 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Mai Anh     | 19/10/2004 | D2306397  | C00878559 | 30/06/2023 |
| 269 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Minh Ánh   | 17/01/2004 | D2306398  | C00878560 | 30/06/2023 |
| 270 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Ánh Chi         | 11/06/2004 | D2306399  | C00878561 | 30/06/2023 |
| 271 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thùy Dung | 20/01/2004 | D2306400  | C00878562 | 30/06/2023 |
| 272 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Huyền     | 05/04/2004 | D2306401  | C00878563 | 30/06/2023 |
| 273 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thúy Hường      | 04/10/2004 | D2306402  | C00878564 | 30/06/2023 |
| 274 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Ngọc Linh       | 24/08/2004 | D2306403  | C00878565 | 30/06/2023 |
| 275 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Trà My    | 23/11/2004 | D2306404  | C00878566 | 30/06/2023 |
| 276 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngân      | 06/12/2004 | D2306405  | C00878567 | 30/06/2023 |
| 277 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Quỳnh Ngọc      | 08/05/2004 | D2306406  | C00878568 | 30/06/2023 |
| 278 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Thu Phương    | 18/12/2004 | D2306407  | C00878569 | 30/06/2023 |
| 279 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lưu Yến Quỳnh        | 04/12/2004 | D2306408  | C00878570 | 30/06/2023 |
| 280 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 08/12/2004 | D2306409  | C00878571 | 30/06/2023 |
| 281 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Minh Thu       | 10/06/2004 | D2306410  | C00878572 | 30/06/2023 |
| 282 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bích Thùy     | 26/10/2004 | D2306411  | C00878573 | 30/06/2023 |
| 283 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Quỳnh Trang   | 13/11/2004 | D2306412  | C00878574 | 30/06/2023 |
| 284 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Hải Yến       | 16/09/2004 | D2306413  | C00878575 | 30/06/2023 |
| 285 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Duy Bách          | 21/03/2004 | D2306414  | C00878576 | 30/06/2023 |
| 286 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tuấn Minh     | 10/10/2004 | D2306415  | C00878577 | 30/06/2023 |
| 287 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Văn Quốc         | 01/10/2002 | D2306416  | C00878578 | 30/06/2023 |
| 288 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Quỳnh Anh      | 06/02/2004 | D2306417  | C00878579 | 30/06/2023 |
| 289 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Anh      | 10/02/2004 | D2306418  | C00878580 | 30/06/2023 |
| 290 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vô Mai Anh           | 02/07/2004 | D2306419  | C00878581 | 30/06/2023 |
| 291 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Ánh      | 13/05/2004 | D2306420  | C00878582 | 30/06/2023 |
| 292 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Dung   | 19/12/2004 | D2306421  | C00878583 | 30/06/2023 |
| 293 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Hiền  | 17/07/2004 | D2306422  | C00878584 | 30/06/2023 |
| 294 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Khánh Ly         | 29/05/2003 | D2306423  | C00878585 | 30/06/2023 |
| 295 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Thanh Nga     | 25/02/2004 | D2306424  | C00878586 | 30/06/2023 |
| 296 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Nhi    | 29/12/2004 | D2306425  | C00878587 | 30/06/2023 |
| 297 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Mai Phương        | 06/03/2003 | D2306426  | C00878588 | 30/06/2023 |
| 298 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Lê Quỳnh         | 23/08/2003 | D2306427  | C00878589 | 30/06/2023 |
| 299 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thảo   | 03/12/2004 | D2306428  | C00878590 | 30/06/2023 |
| 300 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Thu     | 07/04/2004 | D2306429  | C00878591 | 30/06/2023 |
| 301 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Hà Trang        | 01/10/2004 | D2306430  | C00878592 | 30/06/2023 |
| 302 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Lan Trinh | 19/05/2003 | D2306431  | C00878593 | 30/06/2023 |
| 303 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Doãn Hoàng Vy        | 19/01/2002 | D2306432  | C00878594 | 30/06/2023 |
| 304 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Đăng Trú        | 04/10/2002 | D2306433  | C00878595 | 30/06/2023 |
| 305 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Đức Bình          | 02/08/2002 | D2306434  | C00878596 | 30/06/2023 |



| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 306 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Vũ Nguyệt Hà    | 07/10/2002 | D2306435  | C00878597 | 30/06/2023 |
| 307 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tuấn Anh       | 03/04/2004 | D2306436  | C00878598 | 30/06/2023 |
| 308 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đức Cường      | 22/02/2004 | D2306437  | C00878599 | 30/06/2023 |
| 309 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Anh Tuấn           | 17/03/2003 | D2306438  | C00878600 | 30/06/2023 |
| 310 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Thùy Linh        | 27/10/2003 | D2306439  | C00878601 | 30/06/2023 |
| 311 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Quỳnh Anh  | 11/02/2004 | D2306440  | C00878602 | 30/06/2023 |
| 312 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Ánh       | 11/04/2004 | D2306441  | C00878603 | 30/06/2023 |
| 313 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Ngọc Ánh         | 19/02/2004 | D2306442  | C00878604 | 30/06/2023 |
| 314 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Bích      | 30/07/2004 | D2306443  | C00878605 | 30/06/2023 |
| 315 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Ngọc Diệp          | 01/09/2004 | D2306444  | C00878606 | 30/06/2023 |
| 316 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thu Huyền    | 12/09/2004 | D2306445  | C00878607 | 30/06/2023 |
| 317 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thu Huyền        | 24/03/2003 | D2306446  | C00878608 | 30/06/2023 |
| 318 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Khuất Minh Khánh      | 12/09/2004 | D2306447  | C00878609 | 30/06/2023 |
| 319 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Liễu       | 08/12/2004 | D2306448  | C00878610 | 30/06/2023 |
| 320 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Linh       | 27/03/2004 | D2306449  | C00878611 | 30/06/2023 |
| 321 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hoàng Diệu Linh  | 18/03/2004 | D2306450  | C00878612 | 30/06/2023 |
| 322 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đàm Hà Ngọc Minh      | 10/06/2003 | D2306451  | C00878613 | 30/06/2023 |
| 323 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Kim Ngân   | 28/07/2004 | D2306452  | C00878614 | 30/06/2023 |
| 324 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Vũ Ánh Ngọc    | 17/08/2004 | D2306453  | C00878615 | 30/06/2023 |
| 325 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Minh Nguyệt        | 23/01/2004 | D2306454  | C00878616 | 30/06/2023 |
| 326 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thủy Quỳnh | 07/09/2004 | D2306455  | C00878617 | 30/06/2023 |
| 327 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Minh Tâm      | 12/10/2004 | D2306456  | C00878618 | 30/06/2023 |
| 328 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Thanh Thùy     | 06/11/2004 | D2306457  | C00878619 | 30/06/2023 |
| 329 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Minh Thư   | 22/02/2004 | D2306458  | C00878620 | 30/06/2023 |
| 330 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thu Trang          | 08/09/2004 | D2306459  | C00878621 | 30/06/2023 |
| 331 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Triều Vy       | 13/07/2004 | D2306460  | C00878622 | 30/06/2023 |
| 332 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đức Duy        | 19/01/2004 | D2306461  | C00878623 | 30/06/2023 |
| 333 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Viễn Thông     | 31/12/2004 | D2306462  | C00878624 | 30/06/2023 |
| 334 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Thị Vân Anh       | 24/07/2004 | D2306463  | C00878625 | 30/06/2023 |
| 335 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Thị Mai Anh      | 27/11/2003 | D2306464  | C00878626 | 30/06/2023 |
| 336 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Vân Anh    | 24/05/2004 | D2306465  | C00878627 | 30/06/2023 |
| 337 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Thái Thị Ngọc Ánh     | 22/11/2004 | D2306466  | C00878628 | 30/06/2023 |
| 338 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Châu      | 01/09/2004 | D2306467  | C00878629 | 30/06/2023 |
| 339 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Thùy Dương    | 03/07/2004 | D2306468  | C00878630 | 30/06/2023 |
| 340 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng Hạnh  | 15/09/2004 | D2306469  | C00878631 | 30/06/2023 |
| 341 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Hằng         | 13/04/2004 | D2306470  | C00878632 | 30/06/2023 |
| 342 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thu Hằng         | 02/12/2004 | D2306471  | C00878633 | 30/06/2023 |
| 343 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Ngọc Hoa     | 07/01/2004 | D2306472  | C00878634 | 30/06/2023 |
| 344 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lò Thị Khánh Huyền    | 03/05/2004 | D2306473  | C00878635 | 30/06/2023 |
| 345 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Lan Hương  | 06/10/2004 | D2306474  | C00878636 | 30/06/2023 |
| 346 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lã Thị Mai Linh       | 15/04/2004 | D2306475  | C00878637 | 30/06/2023 |
| 347 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Diệu Linh        | 30/08/2004 | D2306476  | C00878638 | 30/06/2023 |
| 348 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hải Hà My      | 30/03/2004 | D2306477  | C00878639 | 30/06/2023 |



| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 349 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Cao Thanh Nga         | 31/10/2003 | D2306478  | C00878640 | 30/06/2023 |
| 350 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Hồng Ngọc    | 02/07/2004 | D2306479  | C00878641 | 30/06/2023 |
| 351 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Vũ Anh Phương      | 30/12/2004 | D2306480  | C00878642 | 30/06/2023 |
| 352 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Mỹ Vân         | 17/10/2004 | D2306481  | C00878643 | 30/06/2023 |
| 353 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Thị Khánh Vy     | 29/02/2004 | D2306482  | C00878644 | 30/06/2023 |
| 354 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 06/01/2002 | D2306483  | C00878645 | 30/06/2023 |
| 355 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 30/06/2002 | D2306484  | C00878646 | 30/06/2023 |
| 356 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trọng Đức      | 19/10/2004 | D2306485  | C00878647 | 30/06/2023 |
| 357 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thế Hùng       | 24/08/2003 | D2306486  | C00878648 | 30/06/2023 |
| 358 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Mai Anh           | 26/05/2004 | D2306487  | C00878649 | 30/06/2023 |
| 359 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 28/08/2004 | D2306488  | C00878650 | 30/06/2023 |
| 360 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ánh        | 31/01/2004 | D2306489  | C00878651 | 30/06/2023 |
| 361 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khánh Chi      | 23/08/2004 | D2306490  | C00878652 | 30/06/2023 |
| 362 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Lê Thùy Dương  | 13/12/2004 | D2306491  | C00878653 | 30/06/2023 |
| 363 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Hiền           | 08/05/2004 | D2306492  | C00878654 | 30/06/2023 |
| 364 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Khánh Huyền      | 05/05/2004 | D2306493  | C00878655 | 30/06/2023 |
| 365 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Kim Liên         | 09/03/2004 | D2306494  | C00878656 | 30/06/2023 |
| 366 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Gia Linh   | 01/04/2004 | D2306495  | C00878657 | 30/06/2023 |
| 367 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Hương Mai         | 29/11/2004 | D2306496  | C00878658 | 30/06/2023 |
| 368 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Ngân         | 09/12/2004 | D2306497  | C00878659 | 30/06/2023 |
| 369 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | 08/10/2004 | D2306498  | C00878660 | 30/06/2023 |
| 370 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Thị Yến Nhi      | 11/02/2004 | D2306499  | C00878661 | 30/06/2023 |
| 371 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Nhung   | 13/10/2004 | D2306500  | C00878662 | 30/06/2023 |
| 372 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Tuyết      | 04/08/2004 | D2306501  | C00878663 | 30/06/2023 |
| 373 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thanh Thảo        | 08/11/2004 | D2306502  | C00878664 | 30/06/2023 |
| 374 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hoài Thu   | 21/10/2004 | D2306503  | C00878665 | 30/06/2023 |
| 375 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thu Trà      | 08/08/2004 | D2306504  | C00878666 | 30/06/2023 |
| 376 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Lê Vy             | 02/12/2004 | D2306505  | C00878667 | 30/06/2023 |
| 377 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phí Thành Đạt         | 07/12/2004 | D2306506  | C00878668 | 30/06/2023 |
| 378 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Đình Đức         | 24/03/2004 | D2306507  | C00878669 | 30/06/2023 |
| 379 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Hà Anh            | 26/04/2004 | D2306508  | C00878670 | 30/06/2023 |
| 380 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Ngọc Phương Anh  | 03/11/2004 | D2306509  | C00878671 | 30/06/2023 |
| 381 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Khổng Vũ Hoàng Anh    | 28/09/2004 | D2306510  | C00878672 | 30/06/2023 |
| 382 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tú Anh         | 12/12/2004 | D2306511  | C00878673 | 30/06/2023 |
| 383 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thảo Anh       | 15/03/2004 | D2306512  | C00878674 | 30/06/2023 |
| 384 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thanh Bình         | 21/05/2004 | D2306513  | C00878675 | 30/06/2023 |
| 385 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thùy Dung      | 26/03/2004 | D2306514  | C00878676 | 30/06/2023 |
| 386 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Vân Hà            | 14/06/2004 | D2306515  | C00878677 | 30/06/2023 |
| 387 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Liễu Hằng  | 10/03/2004 | D2306516  | C00878678 | 30/06/2023 |
| 388 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoàng Lê       | 02/09/2004 | D2306517  | C00878679 | 30/06/2023 |
| 389 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thảo Linh         | 24/07/2004 | D2306518  | C00878680 | 30/06/2023 |
| 390 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thùy Linh          | 12/10/2004 | D2306519  | C00878681 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên            | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 391 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Trà My       | 02/12/2004 | D2306520  | C00878682 | 30/06/2023 |
| 392 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Khánh Nhi      | 28/12/2004 | D2306521  | C00878683 | 30/06/2023 |
| 393 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Thái Thị Mai Phương  | 20/09/2004 | D2306522  | C00878684 | 30/06/2023 |
| 394 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Phương Thảo      | 19/12/2004 | D2306523  | C00878685 | 30/06/2023 |
| 395 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Kiều Thanh Thủy      | 13/01/2004 | D2306524  | C00878686 | 30/06/2023 |
| 396 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Thư      | 20/12/2004 | D2306525  | C00878687 | 30/06/2023 |
| 397 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Hà Trang      | 02/04/2004 | D2306526  | C00878688 | 30/06/2023 |
| 398 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thùy Trúc         | 24/04/2003 | D2306527  | C00878689 | 30/06/2023 |
| 399 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Quang Minh        | 01/10/2004 | D2306528  | C00878690 | 30/06/2023 |
| 400 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vì Thị Hoa           | 30/11/2003 | D2306529  | C00878691 | 30/06/2023 |
| 401 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Văn Anh          | 09/03/2004 | D2306530  | C00878692 | 30/06/2023 |
| 402 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | 25/11/2004 | D2306531  | C00878693 | 30/06/2023 |
| 403 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vương Minh Anh       | 31/07/2003 | D2306532  | C00878694 | 30/06/2023 |
| 404 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Hoàng Khánh Chi   | 17/09/2004 | D2306533  | C00878695 | 30/06/2023 |
| 405 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Thị Chinh       | 23/12/2004 | D2306534  | C00878696 | 30/06/2023 |
| 406 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Kim Dung      | 27/09/2004 | D2306535  | C00878697 | 30/06/2023 |
| 407 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Linh Hương Giang     | 21/11/2004 | D2306536  | C00878698 | 30/06/2023 |
| 408 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hồng Hạnh         | 20/01/2004 | D2306537  | C00878699 | 30/06/2023 |
| 409 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nùng Thị Hoa         | 06/07/2004 | D2306538  | C00878700 | 30/06/2023 |
| 410 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Huyền         | 02/09/2004 | D2306539  | C00878701 | 30/06/2023 |
| 411 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hường     | 08/04/2004 | D2306540  | C00878702 | 30/06/2023 |
| 412 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Ngọc Lan          | 05/11/2004 | D2306541  | C00878703 | 30/06/2023 |
| 413 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hà Linh       | 31/01/2004 | D2306542  | C00878704 | 30/06/2023 |
| 414 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thùy Linh         | 31/08/2004 | D2306543  | C00878705 | 30/06/2023 |
| 415 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Hương Ly    | 03/07/2004 | D2306544  | C00878706 | 30/06/2023 |
| 416 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Ngọc        | 15/01/2004 | D2306545  | C00878707 | 30/06/2023 |
| 417 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Yến Nhi        | 05/12/2004 | D2306546  | C00878708 | 30/06/2023 |
| 418 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Diệp Thị Phương Thảo | 17/05/2004 | D2306547  | C00878709 | 30/06/2023 |
| 419 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Anh Thư   | 15/09/2004 | D2306548  | C00878710 | 30/06/2023 |
| 420 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lò Huyền Trang       | 18/08/2004 | D2306549  | C00878711 | 30/06/2023 |
| 421 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hải Huệ   | 19/05/2003 | D2306550  | C00878712 | 30/06/2023 |
| 422 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lại Phú Hoàng        | 29/02/2004 | D2306551  | C00878713 | 30/06/2023 |
| 423 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Tuấn Hưng       | 20/02/2004 | D2306552  | C00878714 | 30/06/2023 |
| 424 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Kiều Anh      | 12/05/2004 | D2306553  | C00878715 | 30/06/2023 |
| 425 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Vũ Ngọc Anh      | 26/02/2004 | D2306554  | C00878716 | 30/06/2023 |
| 426 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Thị Ngọc Ánh     | 06/05/2004 | D2306555  | C00878717 | 30/06/2023 |
| 427 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thuỳ Dung     | 08/06/2003 | D2306556  | C00878718 | 30/06/2023 |
| 428 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hương Giang   | 15/10/2004 | D2306557  | C00878719 | 30/06/2023 |
| 429 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lương Thu Hằng       | 09/12/2004 | D2306558  | C00878720 | 30/06/2023 |
| 430 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoàng Mai     | 18/05/2004 | D2306559  | C00878721 | 30/06/2023 |
| 431 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Thảo My      | 16/12/2004 | D2306560  | C00878722 | 30/06/2023 |
| 432 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Ngọc Thảo Ngân  | 05/12/2004 | D2306561  | C00878723 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 433 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Minh Ngọc         | 03/05/2004 | D2306562  | C00878724 | 30/06/2023 |
| 434 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Dương Hồng Sương | 31/08/2004 | D2306563  | C00878725 | 30/06/2023 |
| 435 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Tuyền         | 19/01/2004 | D2306564  | C00878726 | 30/06/2023 |
| 436 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Nguyễn Thanh Thảo  | 08/03/2004 | D2306565  | C00878727 | 30/06/2023 |
| 437 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thu Thảo     | 22/02/2004 | D2306566  | C00878728 | 30/06/2023 |
| 438 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Thủy          | 06/08/2004 | D2306567  | C00878729 | 30/06/2023 |
| 439 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Mến Thương | 06/09/2004 | D2306568  | C00878730 | 30/06/2023 |
| 440 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ta Thị Thu Trang      | 05/04/2004 | D2306569  | C00878731 | 30/06/2023 |
| 441 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Thị Kim Thi      | 07/01/2003 | D2306570  | C00878732 | 30/06/2023 |
| 442 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phùng Quang Minh      | 07/10/2003 | D2306571  | C00878733 | 30/06/2023 |
| 443 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thu Hiền     | 05/11/2003 | D2306572  | C00878734 | 30/06/2023 |
| 444 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Anh       | 13/02/2004 | D2306573  | C00878735 | 30/06/2023 |
| 445 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Hà Anh    | 07/01/2004 | D2306574  | C00878736 | 30/06/2023 |
| 446 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Vân Anh    | 23/01/2003 | D2306575  | C00878737 | 30/06/2023 |
| 447 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Văn Anh        | 13/12/2004 | D2306576  | C00878738 | 30/06/2023 |
| 448 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Hoàng Anh        | 23/02/2004 | D2306577  | C00878739 | 30/06/2023 |
| 449 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Cao Thị Thùy Dương    | 06/02/2004 | D2306578  | C00878740 | 30/06/2023 |
| 450 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thái Dương | 24/03/2004 | D2306579  | C00878741 | 30/06/2023 |
| 451 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thu Hoài     | 09/07/2004 | D2306580  | C00878742 | 30/06/2023 |
| 452 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Bích Hồng         | 02/10/2004 | D2306581  | C00878743 | 30/06/2023 |
| 453 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng       | 04/09/2004 | D2306582  | C00878744 | 30/06/2023 |
| 454 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Bằng Linh       | 15/08/2004 | D2306583  | C00878745 | 30/06/2023 |
| 455 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Khánh Linh     | 07/05/2004 | D2306584  | C00878746 | 30/06/2023 |
| 456 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Khánh Linh        | 07/09/2004 | D2306585  | C00878747 | 30/06/2023 |
| 457 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Phương Linh       | 05/12/2004 | D2306586  | C00878748 | 30/06/2023 |
| 458 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Thị Thanh Minh  | 28/09/2004 | D2306587  | C00878749 | 30/06/2023 |
| 459 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Kim Ngân     | 23/11/2004 | D2306588  | C00878750 | 30/06/2023 |
| 460 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Bích Ngọc  | 12/05/2004 | D2306589  | C00878751 | 30/06/2023 |
| 461 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Mai Phương  | 12/05/2004 | D2306590  | C00878752 | 30/06/2023 |
| 462 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Khánh Thi      | 16/07/2004 | D2306591  | C00878753 | 30/06/2023 |
| 463 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Thị Thanh Thủy   | 29/04/2004 | D2306592  | C00878754 | 30/06/2023 |
| 464 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Hoàng Diệu Thúy   | 16/09/2004 | D2306593  | C00878755 | 30/06/2023 |
| 465 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Minh Thúy        | 17/01/2004 | D2306594  | C00878756 | 30/06/2023 |
| 466 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Kim Ngân           | 09/02/2003 | D2306595  | C00878757 | 30/06/2023 |
| 467 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Quang Anh          | 20/03/2004 | D2306596  | C00878758 | 30/06/2023 |
| 468 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Quang Bảo      | 18/09/2004 | D2306597  | C00878759 | 30/06/2023 |
| 469 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tiến Đạt       | 21/03/2004 | D2306598  | C00878760 | 30/06/2023 |
| 470 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Tuấn Kiên          | 08/06/2004 | D2306599  | C00878761 | 30/06/2023 |
| 471 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Khắc Trung       | 18/11/2003 | D2306600  | C00878762 | 30/06/2023 |
| 472 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thu     | 02/12/2004 | D2306601  | C00878763 | 30/06/2023 |
| 473 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Châu Anh         | 09/04/2004 | D2306602  | C00878764 | 30/06/2023 |
| 474 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Nam Anh            | 17/12/2004 | D2306603  | C00878765 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 475 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Ánh       | 17/10/2004 | D2306604  | C00878766 | 30/06/2023 |
| 476 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bình Chi       | 19/10/2004 | D2306605  | C00878767 | 30/06/2023 |
| 477 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hà Chi         | 11/08/2004 | D2306606  | C00878768 | 30/06/2023 |
| 478 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Anh Đào    | 06/09/2004 | D2306607  | C00878769 | 30/06/2023 |
| 479 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Võ Thị Trà Giang      | 12/10/2004 | D2306608  | C00878770 | 30/06/2023 |
| 480 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thu Hiền          | 09/11/2004 | D2306609  | C00878771 | 30/06/2023 |
| 481 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Hường        | 28/02/2004 | D2306610  | C00878772 | 30/06/2023 |
| 482 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Ngọc Thùy Linh    | 09/12/2004 | D2306611  | C00878773 | 30/06/2023 |
| 483 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Linh  | 04/12/2003 | D2306612  | C00878774 | 30/06/2023 |
| 484 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Vũ Khánh Ly    | 15/09/2004 | D2306613  | C00878775 | 30/06/2023 |
| 485 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Mai      | 01/03/2004 | D2306614  | C00878776 | 30/06/2023 |
| 486 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trà My         | 03/10/2004 | D2306615  | C00878777 | 30/06/2023 |
| 487 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Thanh Nhân     | 14/03/2004 | D2306616  | C00878778 | 30/06/2023 |
| 488 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Phương     | 21/09/2004 | D2306617  | C00878779 | 30/06/2023 |
| 489 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Thảo   | 29/10/2004 | D2306618  | C00878780 | 30/06/2023 |
| 490 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Bùi Song Thương    | 14/04/2004 | D2306619  | C00878781 | 30/06/2023 |
| 491 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Vương Quốc Anh   | 08/07/2004 | D2306620  | C00878782 | 30/06/2023 |
| 492 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Minh Hiếu       | 26/10/2004 | D2306621  | C00878783 | 30/06/2023 |
| 493 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Văn Phương         | 29/01/2004 | D2306622  | C00878784 | 30/06/2023 |
| 494 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mạc Thị Hiền Thơ      | 16/04/2003 | D2306623  | C00878785 | 30/06/2023 |
| 495 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Đào Minh Anh      | 05/10/2004 | D2306624  | C00878786 | 30/06/2023 |
| 496 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Anh     | 02/02/2004 | D2306625  | C00878787 | 30/06/2023 |
| 497 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Ngọc Ánh    | 18/08/2004 | D2306626  | C00878788 | 30/06/2023 |
| 498 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Uông Thị Quỳnh Chi    | 11/02/2004 | D2306627  | C00878789 | 30/06/2023 |
| 499 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Khánh Hà    | 09/08/2004 | D2306628  | C00878790 | 30/06/2023 |
| 500 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Hồng Hạnh   | 03/06/2004 | D2306629  | C00878791 | 30/06/2023 |
| 501 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Huệ        | 16/06/2004 | D2306630  | C00878792 | 30/06/2023 |
| 502 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thanh Huyền      | 07/09/2004 | D2306631  | C00878793 | 30/06/2023 |
| 503 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thuý Hường     | 05/08/2004 | D2306632  | C00878794 | 30/06/2023 |
| 504 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ninh Thị Hương Liên   | 21/02/2004 | D2306633  | C00878795 | 30/06/2023 |
| 505 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khánh Linh     | 27/09/2004 | D2306634  | C00878796 | 30/06/2023 |
| 506 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Minh Ngọc          | 04/03/2004 | D2306635  | C00878797 | 30/06/2023 |
| 507 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bằng Nhan      | 08/01/2003 | D2306636  | C00878798 | 30/06/2023 |
| 508 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hoài Phúc        | 02/09/2004 | D2306637  | C00878799 | 30/06/2023 |
| 509 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Quỳnh     | 22/11/2004 | D2306638  | C00878800 | 30/06/2023 |
| 510 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ánh Tuyết  | 07/10/2004 | D2306639  | C00878801 | 30/06/2023 |
| 511 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Phương Thanh | 03/06/2004 | D2306640  | C00878802 | 30/06/2023 |
| 512 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Xuân Thu    | 26/05/2004 | D2306641  | C00878803 | 30/06/2023 |
| 513 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Trang | 14/01/2004 | D2306642  | C00878804 | 30/06/2023 |
| 514 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lưu Thị Yến           | 19/03/2004 | D2306643  | C00878805 | 30/06/2023 |
| 515 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Huyền My       | 14/07/2002 | D2306644  | C00878806 | 30/06/2023 |
| 516 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Đức Huy           | 30/09/2003 | D2306645  | C00878807 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 517 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Bảo Long          | 11/03/2004 | D2306646  | C00878808 | 30/06/2023 |
| 518 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Tuấn Minh         | 13/12/2004 | D2306647  | C00878809 | 30/06/2023 |
| 519 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Vân Anh     | 01/07/2003 | D2306648  | C00878810 | 30/06/2023 |
| 520 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Diệu Anh      | 22/01/2004 | D2306649  | C00878811 | 30/06/2023 |
| 521 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Ánh    | 28/06/2004 | D2306650  | C00878812 | 30/06/2023 |
| 522 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mai Chi         | 14/05/2004 | D2306651  | C00878813 | 30/06/2023 |
| 523 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Thùy Dương | 01/07/2003 | D2306652  | C00878814 | 30/06/2023 |
| 524 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hà          | 08/04/2004 | D2306653  | C00878815 | 30/06/2023 |
| 525 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Hòa           | 29/11/2004 | D2306654  | C00878816 | 30/06/2023 |
| 526 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Hường        | 17/10/2004 | D2306655  | C00878817 | 30/06/2023 |
| 527 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Mỹ Linh          | 10/06/2004 | D2306656  | C00878818 | 30/06/2023 |
| 528 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Khánh Linh    | 04/06/2004 | D2306657  | C00878819 | 30/06/2023 |
| 529 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thanh Mai           | 28/10/2004 | D2306658  | C00878820 | 30/06/2023 |
| 530 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thúy Nga          | 27/03/2004 | D2306659  | C00878821 | 30/06/2023 |
| 531 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Thị Ngọc           | 06/08/2004 | D2306660  | C00878822 | 30/06/2023 |
| 532 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Kim Ngọc    | 16/06/2004 | D2306661  | C00878823 | 30/06/2023 |
| 533 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Yên Nhi             | 08/09/2004 | D2306662  | C00878824 | 30/06/2023 |
| 534 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng Nhung  | 17/06/2004 | D2306663  | C00878825 | 30/06/2023 |
| 535 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Quỳnh       | 20/09/2003 | D2306664  | C00878826 | 30/06/2023 |
| 536 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Thúy Thanh      | 18/08/2003 | D2306665  | C00878827 | 30/06/2023 |
| 537 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thảo     | 09/12/2004 | D2306666  | C00878828 | 30/06/2023 |
| 538 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Bích Thủy       | 29/08/2004 | D2306667  | C00878829 | 30/06/2023 |
| 539 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đàm Thị Thu Trà        | 10/11/2004 | D2306668  | C00878830 | 30/06/2023 |
| 540 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Trang       | 20/10/2004 | D2306669  | C00878831 | 30/06/2023 |
| 541 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thảo Vy           | 02/09/2004 | D2306670  | C00878832 | 30/06/2023 |
| 542 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nghiêm Bá Quang Anh    | 31/07/2004 | D2306671  | C00878833 | 30/06/2023 |
| 543 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Thân Trung Đức         | 06/08/2004 | D2306672  | C00878834 | 30/06/2023 |
| 544 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Văn Anh         | 22/03/2004 | D2306673  | C00878835 | 30/06/2023 |
| 545 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Lâm Anh           | 10/09/2004 | D2306674  | C00878836 | 30/06/2023 |
| 546 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trình Phương Anh       | 16/09/2004 | D2306675  | C00878837 | 30/06/2023 |
| 547 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Bích       | 25/01/2003 | D2306676  | C00878838 | 30/06/2023 |
| 548 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Nguyễn Linh Chi     | 22/09/2004 | D2306677  | C00878839 | 30/06/2023 |
| 549 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Yên Chinh        | 29/11/2004 | D2306678  | C00878840 | 30/06/2023 |
| 550 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Vũ Hương Dung     | 18/10/2004 | D2306679  | C00878841 | 30/06/2023 |
| 551 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Thị Thu Giang       | 27/03/2004 | D2306680  | C00878842 | 30/06/2023 |
| 552 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Hà          | 26/08/2004 | D2306681  | C00878843 | 30/06/2023 |
| 553 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Ngọc Hà           | 25/11/2004 | D2306682  | C00878844 | 30/06/2023 |
| 554 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Thanh Huyền     | 21/06/2004 | D2306683  | C00878845 | 30/06/2023 |
| 555 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Huyền          | 19/12/2004 | D2306684  | C00878846 | 30/06/2023 |
| 556 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Hồng Linh           | 16/05/2004 | D2306685  | C00878847 | 30/06/2023 |
| 557 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Ngọc Linh         | 24/09/2004 | D2306686  | C00878848 | 30/06/2023 |
| 558 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Ngọc Linh     | 31/07/2004 | D2306687  | C00878849 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên            | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 559 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phạm Xuân Mai | 31/01/2004 | D2306688  | C00878850 | 30/06/2023 |
| 560 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Trà My           | 05/08/2004 | D2306689  | C00878851 | 30/06/2023 |
| 561 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Mai Phương        | 01/01/2004 | D2306690  | C00878852 | 30/06/2023 |
| 562 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thảo Phương   | 18/11/2004 | D2306691  | C00878853 | 30/06/2023 |
| 563 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lương Thị Thanh Thúy | 05/06/2003 | D2306692  | C00878854 | 30/06/2023 |
| 564 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Hải Yến       | 24/03/2004 | D2306693  | C00878855 | 30/06/2023 |
| 565 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Xuân Tân       | 15/09/2004 | D2306694  | C00878856 | 30/06/2023 |
| 566 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Kim Anh     | 11/12/2004 | D2306695  | C00878857 | 30/06/2023 |
| 567 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lại Linh Chi         | 13/09/2004 | D2306696  | C00878858 | 30/06/2023 |
| 568 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Thị Diễm         | 31/05/2004 | D2306697  | C00878859 | 30/06/2023 |
| 569 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thủy Dung | 29/07/2004 | D2306698  | C00878860 | 30/06/2023 |
| 570 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đàm Thu Hà           | 24/09/2003 | D2306699  | C00878861 | 30/06/2023 |
| 571 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lại Thị Hào          | 15/10/2004 | D2306700  | C00878862 | 30/06/2023 |
| 572 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Nguyễn Thúy Hiền | 17/03/2004 | D2306701  | C00878863 | 30/06/2023 |
| 573 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phương Thanh Hoa     | 24/02/2004 | D2306702  | C00878864 | 30/06/2023 |
| 574 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Thanh Huyền   | 29/10/2004 | D2306703  | C00878865 | 30/06/2023 |
| 575 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Hường       | 08/08/2004 | D2306704  | C00878866 | 30/06/2023 |
| 576 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Nguyễn Tùng Lâm | 07/03/2004 | D2306705  | C00878867 | 30/06/2023 |
| 577 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Linh     | 06/04/2004 | D2306706  | C00878868 | 30/06/2023 |
| 578 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Khánh Loan        | 25/08/2004 | D2306707  | C00878869 | 30/06/2023 |
| 579 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mạc Minh Ngọc        | 29/11/2004 | D2306708  | C00878870 | 30/06/2023 |
| 580 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hương Nhi     | 27/11/2004 | D2306709  | C00878871 | 30/06/2023 |
| 581 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hải Phương      | 13/01/2004 | D2306710  | C00878872 | 30/06/2023 |
| 582 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Minh Tâm  | 10/10/2004 | D2306711  | C00878873 | 30/06/2023 |
| 583 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Phương Thảo    | 29/04/2004 | D2306712  | C00878874 | 30/06/2023 |
| 584 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Triệu Thị Thu        | 26/11/2004 | D2306713  | C00878875 | 30/06/2023 |
| 585 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Minh Thư    | 21/05/2004 | D2306714  | C00878876 | 30/06/2023 |
| 586 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hạnh Trang      | 01/04/2004 | D2306715  | C00878877 | 30/06/2023 |
| 587 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Thị Thu Uyên     | 27/10/2004 | D2306716  | C00878878 | 30/06/2023 |
| 588 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hà Vy             | 07/12/2004 | D2306717  | C00878879 | 30/06/2023 |
| 589 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hứa Thị Quỳnh Anh    | 22/05/2003 | D2306718  | C00878880 | 30/06/2023 |
| 590 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thu Huyền         | 27/11/2003 | D2306719  | C00878881 | 30/06/2023 |
| 591 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Hà Nhi         | 09/08/2003 | D2306720  | C00878882 | 30/06/2023 |
| 592 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Ngọc Anh       | 19/06/2004 | D2306721  | C00878883 | 30/06/2023 |
| 593 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Vân Anh   | 05/03/2004 | D2306722  | C00878884 | 30/06/2023 |
| 594 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thúy Bình         | 09/12/2004 | D2306723  | C00878885 | 30/06/2023 |
| 595 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thùy Dung     | 11/09/2004 | D2306724  | C00878886 | 30/06/2023 |
| 596 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Nguyễn Hạnh    | 31/10/2004 | D2306725  | C00878887 | 30/06/2023 |
| 597 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Hằng     | 13/03/2004 | D2306726  | C00878888 | 30/06/2023 |
| 598 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Huyền        | 02/10/2004 | D2306727  | C00878889 | 30/06/2023 |
| 599 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Lan Hương     | 17/03/2004 | D2306728  | C00878890 | 30/06/2023 |
| 600 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Thị Linh        | 06/08/2004 | D2306729  | C00878891 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 601 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thùy Linh   | 01/03/2004 | D2306730  | C00878892 | 30/06/2023 |
| 602 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Mai        | 25/04/2004 | D2306731  | C00878893 | 30/06/2023 |
| 603 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hà My           | 24/03/2004 | D2306732  | C00878894 | 30/06/2023 |
| 604 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Nhung       | 08/01/2004 | D2306733  | C00878895 | 30/06/2023 |
| 605 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Tâm        | 09/08/2004 | D2306734  | C00878896 | 30/06/2023 |
| 606 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh Thanh | 25/12/2004 | D2306735  | C00878897 | 30/06/2023 |
| 607 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Phương Thảo         | 14/01/2004 | D2306736  | C00878898 | 30/06/2023 |
| 608 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thương Thảo       | 26/06/2003 | D2306737  | C00878899 | 30/06/2023 |
| 609 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Anh Thư         | 15/10/2004 | D2306738  | C00878900 | 30/06/2023 |
| 610 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Thị Thu Trang       | 01/10/2004 | D2306739  | C00878901 | 30/06/2023 |
| 611 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Hải Yến       | 04/06/2004 | D2306740  | C00878902 | 30/06/2023 |
| 612 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lý Thị Huyền Trang     | 20/11/2003 | D2306741  | C00878903 | 30/06/2023 |
| 613 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thành Đạt       | 21/05/2003 | D2306742  | C00878904 | 30/06/2023 |
| 614 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Duy Đạt          | 09/03/2004 | D2306743  | C00878905 | 30/06/2023 |
| 615 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đỗ Bảo Tín      | 19/06/2004 | D2306744  | C00878906 | 30/06/2023 |
| 616 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Minh Anh          | 27/06/2004 | D2306745  | C00878907 | 30/06/2023 |
| 617 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Hải Anh       | 09/08/2004 | D2306746  | C00878908 | 30/06/2023 |
| 618 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Ngọc Anh            | 21/06/2004 | D2306747  | C00878909 | 30/06/2023 |
| 619 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Trần Minh Ánh     | 29/05/2004 | D2306748  | C00878910 | 30/06/2023 |
| 620 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Ánh           | 01/08/2004 | D2306749  | C00878911 | 30/06/2023 |
| 621 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Ngọc Ánh      | 13/06/2004 | D2306750  | C00878912 | 30/06/2023 |
| 622 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Đỗ Linh Chi       | 15/09/2004 | D2306751  | C00878913 | 30/06/2023 |
| 623 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Quỳnh Chi           | 15/07/2004 | D2306752  | C00878914 | 30/06/2023 |
| 624 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Triệu Bích Hồng        | 07/10/2004 | D2306753  | C00878915 | 30/06/2023 |
| 625 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vi Thị Huyền           | 20/01/2004 | D2306754  | C00878916 | 30/06/2023 |
| 626 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mai Hương       | 01/10/2004 | D2306755  | C00878917 | 30/06/2023 |
| 627 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Kiều Linh   | 08/08/2004 | D2306756  | C00878918 | 30/06/2023 |
| 628 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Khánh Linh        | 21/05/2004 | D2306757  | C00878919 | 30/06/2023 |
| 629 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Triệu Mai Linh         | 14/09/2004 | D2306758  | C00878920 | 30/06/2023 |
| 630 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mai Ly          | 25/05/2004 | D2306759  | C00878921 | 30/06/2023 |
| 631 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trang My        | 22/12/2004 | D2306760  | C00878922 | 30/06/2023 |
| 632 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hà My             | 01/03/2004 | D2306761  | C00878923 | 30/06/2023 |
| 633 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Minh Ngọc        | 01/06/2004 | D2306762  | C00878924 | 30/06/2023 |
| 634 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Uyên Nhi           | 02/01/2004 | D2306763  | C00878925 | 30/06/2023 |
| 635 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hà Phương       | 29/12/2004 | D2306764  | C00878926 | 30/06/2023 |
| 636 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh  | 25/12/2004 | D2306765  | C00878927 | 30/06/2023 |
| 637 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thảo     | 14/10/2004 | D2306766  | C00878928 | 30/06/2023 |
| 638 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh Trà   | 04/03/2004 | D2306767  | C00878929 | 30/06/2023 |
| 639 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Đức Anh            | 24/06/2004 | D2306768  | C00878930 | 30/06/2023 |
| 640 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Sỹ Anh          | 21/03/2004 | D2306769  | C00878931 | 30/06/2023 |
| 641 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Tiên Anh          | 13/01/2004 | D2306770  | C00878932 | 30/06/2023 |
| 642 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tổng Mỹ Mạnh           | 15/05/2004 | D2306771  | C00878933 | 30/06/2023 |



| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 643 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Sương Nguyệt Ánh  | 10/11/2004 | D2306772  | C00878934 | 30/06/2023 |
| 644 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Ngọc Hà     | 28/02/2004 | D2306773  | C00878935 | 30/06/2023 |
| 645 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Phương Huệ   | 26/04/2004 | D2306774  | C00878936 | 30/06/2023 |
| 646 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đồng Ngọc Huyền       | 05/07/2004 | D2306775  | C00878937 | 30/06/2023 |
| 647 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thanh Huyền  | 04/06/2004 | D2306776  | C00878938 | 30/06/2023 |
| 648 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Hương Liên        | 25/05/2004 | D2306777  | C00878939 | 30/06/2023 |
| 649 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khánh Linh     | 28/05/2004 | D2306778  | C00878940 | 30/06/2023 |
| 650 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thu Ngân         | 14/03/2004 | D2306779  | C00878941 | 30/06/2023 |
| 651 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Thảo Nhi      | 04/04/2004 | D2306780  | C00878942 | 30/06/2023 |
| 652 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Mai Phương        | 06/01/2004 | D2306781  | C00878943 | 30/06/2023 |
| 653 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Kim Phương        | 11/04/2004 | D2306782  | C00878944 | 30/06/2023 |
| 654 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Diễm Quỳnh | 18/05/2004 | D2306783  | C00878945 | 30/06/2023 |
| 655 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Phương Thảo  | 23/03/2004 | D2306784  | C00878946 | 30/06/2023 |
| 656 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Thị Thu            | 05/03/2004 | D2306785  | C00878947 | 30/06/2023 |
| 657 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Triệu Thùy       | 29/01/2004 | D2306786  | C00878948 | 30/06/2023 |
| 658 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thùy Trang     | 31/03/2004 | D2306787  | C00878949 | 30/06/2023 |
| 659 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Hồng Vân       | 27/12/2004 | D2306788  | C00878950 | 30/06/2023 |
| 660 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Yến           | 29/02/2004 | D2306789  | C00878951 | 30/06/2023 |
| 661 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Ánh Hồng     | 13/01/2002 | D2306790  | C00878952 | 30/06/2023 |
| 662 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 11/09/2002 | D2306791  | C00878953 | 30/06/2023 |
| 663 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dư Thị Hiền Trang     | 28/01/2002 | D2306792  | C00878954 | 30/06/2023 |
| 664 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Kiều Trang     | 17/03/2002 | D2306793  | C00878955 | 30/06/2023 |
| 665 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Phương Nga      | 22/12/2002 | D2306794  | C00878956 | 30/06/2023 |
| 666 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Quách Thị Vân Anh     | 11/01/2002 | D2306795  | C00878957 | 30/06/2023 |
| 667 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Huyền Linh         | 29/11/2002 | D2306796  | C00878958 | 30/06/2023 |
| 668 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Phương Mai       | 08/08/2001 | D2306797  | C00878959 | 30/06/2023 |
| 669 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Đình Quân         | 05/10/2004 | D2306798  | C00878960 | 30/06/2023 |
| 670 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Công Tài         | 10/03/2004 | D2306799  | C00878961 | 30/06/2023 |
| 671 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đậu Xuân Anh          | 26/04/2004 | D2306800  | C00878962 | 30/06/2023 |
| 672 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Mai Anh          | 23/05/2004 | D2306801  | C00878963 | 30/06/2023 |
| 673 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Ngọc Anh     | 11/01/2004 | D2306802  | C00878964 | 30/06/2023 |
| 674 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Ngọc Ánh     | 23/11/2004 | D2306803  | C00878965 | 30/06/2023 |
| 675 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Minh Chi   | 25/02/2004 | D2306804  | C00878966 | 30/06/2023 |
| 676 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Thùy Dương       | 02/02/2004 | D2306805  | C00878967 | 30/06/2023 |
| 677 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ta Thu Hà             | 24/03/2004 | D2306806  | C00878968 | 30/06/2023 |
| 678 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thanh Huyền      | 02/06/2004 | D2306807  | C00878969 | 30/06/2023 |
| 679 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Kim Khánh      | 14/06/2004 | D2306808  | C00878970 | 30/06/2023 |
| 680 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Bảo Linh           | 09/09/2003 | D2306809  | C00878971 | 30/06/2023 |
| 681 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Cẩm Ly     | 24/01/2004 | D2306810  | C00878972 | 30/06/2023 |
| 682 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Trà My         | 25/07/2004 | D2306811  | C00878973 | 30/06/2023 |
| 683 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Hằng Nga       | 03/12/2004 | D2306812  | C00878974 | 30/06/2023 |
| 684 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Như Ngọc       | 30/12/2004 | D2306813  | C00878975 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 685 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Nguyệt     | 02/09/2003 | D2306814  | C00878976 | 30/06/2023 |
| 686 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoàng Yến Nhi  | 18/08/2004 | D2306815  | C00878977 | 30/06/2023 |
| 687 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Xuân Quỳnh | 19/09/2004 | D2306816  | C00878978 | 30/06/2023 |
| 688 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh      | 07/03/2004 | D2306817  | C00878979 | 30/06/2023 |
| 689 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thảo    | 12/07/2004 | D2306818  | C00878980 | 30/06/2023 |
| 690 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 29/03/2004 | D2306819  | C00878981 | 30/06/2023 |
| 691 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Trang      | 04/09/2004 | D2306820  | C00878982 | 30/06/2023 |
| 692 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Xuân       | 15/07/2004 | D2306821  | C00878983 | 30/06/2023 |
| 693 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Duy Bảo            | 26/02/2004 | D2306822  | C00878984 | 30/06/2023 |
| 694 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Du Đông           | 09/12/2003 | D2306823  | C00878985 | 30/06/2023 |
| 695 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lâm Thục Anh          | 26/08/2004 | D2306824  | C00878986 | 30/06/2023 |
| 696 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 26/10/2004 | D2306825  | C00878987 | 30/06/2023 |
| 697 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Ngọc Ánh         | 21/02/2004 | D2306826  | C00878988 | 30/06/2023 |
| 698 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Kim Chi            | 11/08/2003 | D2306827  | C00878989 | 30/06/2023 |
| 699 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lưu Thị Kim Chi       | 20/08/2004 | D2306828  | C00878990 | 30/06/2023 |
| 700 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Lê Thu Hằng    | 09/07/2004 | D2306829  | C00878991 | 30/06/2023 |
| 701 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thúy Hiền      | 12/06/2004 | D2306830  | C00878992 | 30/06/2023 |
| 702 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Thị Thanh Huyền  | 02/01/2004 | D2306831  | C00878993 | 30/06/2023 |
| 703 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Thùy Linh      | 17/10/2004 | D2306832  | C00878994 | 30/06/2023 |
| 704 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Thị Loan        | 12/10/2004 | D2306833  | C00878995 | 30/06/2023 |
| 705 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Mai       | 18/05/2004 | D2306834  | C00878996 | 30/06/2023 |
| 706 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bích Ngọc      | 19/10/2004 | D2306835  | C00878997 | 30/06/2023 |
| 707 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Thuý Nhi  | 26/08/2004 | D2306836  | C00878998 | 30/06/2023 |
| 708 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Đình Yên Nhi     | 01/11/2004 | D2306837  | C00878999 | 30/06/2023 |
| 709 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mai Phương     | 16/08/2004 | D2306838  | C00879000 | 30/06/2023 |
| 710 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Thị Hồng Quyên   | 20/08/2004 | D2306839  | C00879001 | 30/06/2023 |
| 711 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thanh Tâm          | 26/11/2004 | D2306840  | C00879002 | 30/06/2023 |
| 712 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lý Phương Thảo        | 01/04/2004 | D2306841  | C00879003 | 30/06/2023 |
| 713 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Thảo  | 04/11/2004 | D2306842  | C00879004 | 30/06/2023 |
| 714 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thảo       | 10/06/2004 | D2306843  | C00879005 | 30/06/2023 |
| 715 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Huyền Trang    | 25/08/2004 | D2306844  | C00879006 | 30/06/2023 |
| 716 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Trâm  | 13/01/2004 | D2306845  | C00879007 | 30/06/2023 |
| 717 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Phương Uyên        | 16/08/2004 | D2306846  | C00879008 | 30/06/2023 |
| 718 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Thị Hà Vy       | 25/03/2004 | D2306847  | C00879009 | 30/06/2023 |
| 719 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Anh Kiệt       | 28/07/2004 | D2306848  | C00879010 | 30/06/2023 |
| 720 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Hải Anh            | 05/06/2004 | D2306849  | C00879011 | 30/06/2023 |
| 721 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Ngọc Anh     | 27/08/2003 | D2306850  | C00879012 | 30/06/2023 |
| 722 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 28/11/2004 | D2306851  | C00879013 | 30/06/2023 |
| 723 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Quỳnh Chi          | 19/10/2004 | D2306852  | C00879014 | 30/06/2023 |
| 724 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thùy Dung    | 06/05/2004 | D2306853  | C00879015 | 30/06/2023 |
| 725 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Khổng Thị Thu Hà      | 14/11/2004 | D2306854  | C00879016 | 30/06/2023 |
| 726 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Minh Hào       | 28/02/2004 | D2306855  | C00879017 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên               | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 727 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thu Hiền          | 28/07/2004 | D2306856  | C00879018 | 30/06/2023 |
| 728 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Minh Hòa         | 21/02/2004 | D2306857  | C00879019 | 30/06/2023 |
| 729 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Thị Thanh Huyền     | 25/10/2004 | D2306858  | C00879020 | 30/06/2023 |
| 730 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thùy Linh    | 18/10/2004 | D2306859  | C00879021 | 30/06/2023 |
| 731 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Ngọc Mai             | 02/12/2004 | D2306860  | C00879022 | 30/06/2023 |
| 732 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hồng Minh        | 16/09/2004 | D2306861  | C00879023 | 30/06/2023 |
| 733 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Ánh Ngọc            | 16/04/2004 | D2306862  | C00879024 | 30/06/2023 |
| 734 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Nhi       | 10/09/2004 | D2306863  | C00879025 | 30/06/2023 |
| 735 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hà Phương            | 26/06/2004 | D2306864  | C00879026 | 30/06/2023 |
| 736 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Cẩm Tú           | 01/01/2004 | D2306865  | C00879027 | 30/06/2023 |
| 737 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thu Thảo          | 14/10/2004 | D2306866  | C00879028 | 30/06/2023 |
| 738 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Thị Lệ Thuý        | 18/08/2004 | D2306867  | C00879029 | 30/06/2023 |
| 739 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Thương        | 28/01/2004 | D2306868  | C00879030 | 30/06/2023 |
| 740 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Thu Trang       | 13/08/2004 | D2306869  | C00879031 | 30/06/2023 |
| 741 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Minh Trang         | 23/07/2004 | D2306870  | C00879032 | 30/06/2023 |
| 742 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Mai Uyên       | 18/03/2004 | D2306871  | C00879033 | 30/06/2023 |
| 743 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Xuân         | 29/02/2004 | D2306872  | C00879034 | 30/06/2023 |
| 744 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Vũ Hoàng Anh         | 15/05/2004 | D2306873  | C00879035 | 30/06/2023 |
| 745 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mai Thùy Dương   | 13/12/2004 | D2306874  | C00879036 | 30/06/2023 |
| 746 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Hồng Hạnh           | 26/10/2004 | D2306875  | C00879037 | 30/06/2023 |
| 747 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Giáp Thị Hoa            | 21/10/2004 | D2306876  | C00879038 | 30/06/2023 |
| 748 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Khánh Huyền        | 27/09/2004 | D2306877  | C00879039 | 30/06/2023 |
| 749 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Hải Linh            | 28/01/2004 | D2306878  | C00879040 | 30/06/2023 |
| 750 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Phương Linh | 01/02/2003 | D2306879  | C00879041 | 30/06/2023 |
| 751 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trà My           | 12/09/2004 | D2306880  | C00879042 | 30/06/2023 |
| 752 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc         | 07/07/2003 | D2306881  | C00879043 | 30/06/2023 |
| 753 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Tú Oanh        | 17/11/2004 | D2306882  | C00879044 | 30/06/2023 |
| 754 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Phương   | 09/09/2004 | D2306883  | C00879045 | 30/06/2023 |
| 755 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Phương Thảo     | 01/01/2004 | D2306884  | C00879046 | 30/06/2023 |
| 756 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đồng Phương Thảo        | 23/01/2004 | D2306885  | C00879047 | 30/06/2023 |
| 757 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Thị Thu Thảo     | 19/03/2004 | D2306886  | C00879048 | 30/06/2023 |
| 758 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Minh Thư     | 08/09/2004 | D2306887  | C00879049 | 30/06/2023 |
| 759 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Trang        | 01/08/2004 | D2306888  | C00879050 | 30/06/2023 |
| 760 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Ngọc Quế Trâm        | 07/05/2004 | D2306889  | C00879051 | 30/06/2023 |
| 761 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Hải Yến        | 12/01/2004 | D2306890  | C00879052 | 30/06/2023 |
| 762 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Tiến Đạt          | 09/03/2004 | D2306891  | C00879053 | 30/06/2023 |
| 763 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đặng Văn Quân           | 12/07/2004 | D2306892  | C00879054 | 30/06/2023 |
| 764 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Phương Anh      | 20/06/2004 | D2306893  | C00879055 | 30/06/2023 |
| 765 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tú Anh           | 03/12/2004 | D2306894  | C00879056 | 30/06/2023 |
| 766 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Ánh     | 16/11/2004 | D2306895  | C00879057 | 30/06/2023 |
| 767 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thùy Dương           | 10/08/2004 | D2306896  | C00879058 | 30/06/2023 |
| 768 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lưu Ngân Hà             | 31/05/2004 | D2306897  | C00879059 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 769 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phan Thu Huê          | 11/10/2004 | D2306898  | C00879060 | 30/06/2023 |
| 770 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Ngọc Huyền         | 11/09/2004 | D2306899  | C00879061 | 30/06/2023 |
| 771 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Mai Khanh  | 28/10/2004 | D2306900  | C00879062 | 30/06/2023 |
| 772 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Dương Thị Khánh Linh  | 20/02/2004 | D2306901  | C00879063 | 30/06/2023 |
| 773 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Linh    | 02/07/2004 | D2306902  | C00879064 | 30/06/2023 |
| 774 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Huyền Mi   | 16/03/2004 | D2306903  | C00879065 | 30/06/2023 |
| 775 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Nga     | 11/02/2004 | D2306904  | C00879066 | 30/06/2023 |
| 776 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bùi Yên Nhi    | 27/09/2004 | D2306905  | C00879067 | 30/06/2023 |
| 777 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Vũ Diễm Quỳnh  | 02/05/2004 | D2306906  | C00879068 | 30/06/2023 |
| 778 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Phương Thảo     | 28/10/2004 | D2306907  | C00879069 | 30/06/2023 |
| 779 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thủy    | 07/07/2004 | D2306908  | C00879070 | 30/06/2023 |
| 780 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thu Trang        | 18/10/2004 | D2306909  | C00879071 | 30/06/2023 |
| 781 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Hà Vi          | 13/05/2004 | D2306910  | C00879072 | 30/06/2023 |
| 782 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hải Yên        | 19/04/2004 | D2306911  | C00879073 | 30/06/2023 |
| 783 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Bá Tùng          | 16/04/2003 | D2306912  | C00879074 | 30/06/2023 |
| 784 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Văn Anh          | 31/08/2004 | D2306913  | C00879075 | 30/06/2023 |
| 785 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Minh Ánh     | 24/12/2003 | D2306914  | C00879076 | 30/06/2023 |
| 786 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Châm  | 26/10/2004 | D2306915  | C00879077 | 30/06/2023 |
| 787 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Hạnh Chi         | 08/04/2004 | D2306916  | C00879078 | 30/06/2023 |
| 788 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Đào          | 14/03/2004 | D2306917  | C00879079 | 30/06/2023 |
| 789 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thu Hằng         | 01/01/2004 | D2306918  | C00879080 | 30/06/2023 |
| 790 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Kiều Diệu Hương       | 05/10/2004 | D2306919  | C00879081 | 30/06/2023 |
| 791 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hồng Khuyên      | 27/01/2004 | D2306920  | C00879082 | 30/06/2023 |
| 792 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hoàng Linh     | 26/08/2004 | D2306921  | C00879083 | 30/06/2023 |
| 793 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hà My          | 17/11/2004 | D2306922  | C00879084 | 30/06/2023 |
| 794 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Tuyết Ngọc         | 22/01/2004 | D2306923  | C00879085 | 30/06/2023 |
| 795 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Nhân     | 02/01/2004 | D2306924  | C00879086 | 30/06/2023 |
| 796 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ý Nhi          | 02/11/2004 | D2306925  | C00879087 | 30/06/2023 |
| 797 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Cẩm Tú           | 22/01/2004 | D2306926  | C00879088 | 30/06/2023 |
| 798 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Phương Thảo | 01/08/2003 | D2306927  | C00879089 | 30/06/2023 |
| 799 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thu Trang          | 02/01/2004 | D2306928  | C00879090 | 30/06/2023 |
| 800 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Chu Hải Yên           | 09/05/2004 | D2306929  | C00879091 | 30/06/2023 |
| 801 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Văn Lương        | 22/12/2004 | D2306930  | C00879092 | 30/06/2023 |
| 802 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Đức Quân           | 11/12/2004 | D2306931  | C00879093 | 30/06/2023 |
| 803 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Phương Anh      | 31/08/2004 | D2306932  | C00879094 | 30/06/2023 |
| 804 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Thị Ngọc Anh       | 06/01/2004 | D2306933  | C00879095 | 30/06/2023 |
| 805 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Ánh   | 16/04/2004 | D2306934  | C00879096 | 30/06/2023 |
| 806 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Kim Chi        | 28/04/2004 | D2306935  | C00879097 | 30/06/2023 |
| 807 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Bạch Dương        | 25/08/2004 | D2306936  | C00879098 | 30/06/2023 |
| 808 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hà         | 16/04/2004 | D2306937  | C00879099 | 30/06/2023 |
| 809 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Thanh Hào     | 07/06/2004 | D2306938  | C00879100 | 30/06/2023 |
| 810 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Hiền   | 18/02/2004 | D2306939  | C00879101 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên             | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|-----------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 811 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Kim Hòa    | 28/09/2004 | D2306940  | C00879102 | 30/06/2023 |
| 812 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phương Yến Khanh      | 23/09/2004 | D2306941  | C00879103 | 30/06/2023 |
| 813 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Bích Liên  | 06/11/2004 | D2306942  | C00879104 | 30/06/2023 |
| 814 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thùy Linh  | 12/04/2004 | D2306943  | C00879105 | 30/06/2023 |
| 815 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lương Ngọc Sao Mai    | 01/10/2003 | D2306944  | C00879106 | 30/06/2023 |
| 816 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Bích Ngọc        | 08/10/2004 | D2306945  | C00879107 | 30/06/2023 |
| 817 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Khánh Nhi        | 05/02/2004 | D2306946  | C00879108 | 30/06/2023 |
| 818 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Cẩm Tú     | 10/06/2004 | D2306947  | C00879109 | 30/06/2023 |
| 819 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hiền Thảo      | 05/09/2004 | D2306948  | C00879110 | 30/06/2023 |
| 820 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đào Thị Thanh Thùy    | 28/07/2004 | D2306949  | C00879111 | 30/06/2023 |
| 821 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Phương Trà       | 07/10/2004 | D2306950  | C00879112 | 30/06/2023 |
| 822 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đăng Thu Trang | 22/09/2004 | D2306951  | C00879113 | 30/06/2023 |
| 823 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thu Trang    | 03/01/2004 | D2306952  | C00879114 | 30/06/2023 |
| 824 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lăng Thị Văn          | 29/12/2004 | D2306953  | C00879115 | 30/06/2023 |
| 825 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vy Thị Thùy Yến       | 13/01/2004 | D2306954  | C00879116 | 30/06/2023 |
| 826 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trương Ngọc Ánh       | 24/06/2003 | D2306955  | C00879117 | 30/06/2023 |
| 827 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Mỹ Lệ          | 26/10/2003 | D2306956  | C00879118 | 30/06/2023 |
| 828 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Thanh Thúy  | 26/10/2003 | D2306957  | C00879119 | 30/06/2023 |
| 829 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Nam Khánh      | 06/06/2004 | D2306958  | C00879120 | 30/06/2023 |
| 830 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Minh Quang         | 09/02/2004 | D2306959  | C00879121 | 30/06/2023 |
| 831 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Ngọc Anh         | 03/09/2004 | D2306960  | C00879122 | 30/06/2023 |
| 832 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mai Thị Thùy Dương    | 21/11/2004 | D2306961  | C00879123 | 30/06/2023 |
| 833 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thu Huyền          | 12/03/2004 | D2306962  | C00879124 | 30/06/2023 |
| 834 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Hương         | 24/04/2004 | D2306963  | C00879125 | 30/06/2023 |
| 835 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Huyền Linh   | 26/10/2004 | D2306964  | C00879126 | 30/06/2023 |
| 836 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Linh       | 21/05/2004 | D2306965  | C00879127 | 30/06/2023 |
| 837 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Ngoan        | 18/02/2002 | D2306966  | C00879128 | 30/06/2023 |
| 838 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Bảo Nguyên     | 14/04/2004 | D2306967  | C00879129 | 30/06/2023 |
| 839 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phùng Thị Uyên Nhi    | 29/05/2004 | D2306968  | C00879130 | 30/06/2023 |
| 840 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hà Phương      | 29/02/2004 | D2306969  | C00879131 | 30/06/2023 |
| 841 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ma Thị Tới            | 20/03/2004 | D2306970  | C00879132 | 30/06/2023 |
| 842 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Phương Thảo    | 01/09/2004 | D2306971  | C00879133 | 30/06/2023 |
| 843 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thanh Thư      | 27/01/2004 | D2306972  | C00879134 | 30/06/2023 |
| 844 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Hoàng Thùy Trang | 29/11/2003 | D2306973  | C00879135 | 30/06/2023 |
| 845 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trung Dũng     | 11/06/2004 | D2306974  | C00879136 | 30/06/2023 |
| 846 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Khổng Tú Anh          | 25/01/2004 | D2306975  | C00879137 | 30/06/2023 |
| 847 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tô Văn Anh            | 25/04/2004 | D2306976  | C00879138 | 30/06/2023 |
| 848 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phùng Ngọc Ánh        | 31/12/2004 | D2306977  | C00879139 | 30/06/2023 |
| 849 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Quỳnh Diệu    | 21/09/2004 | D2306978  | C00879140 | 30/06/2023 |
| 850 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Lâm Thùy Dương | 08/12/2004 | D2306979  | C00879141 | 30/06/2023 |
| 851 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thu Hà         | 15/09/2004 | D2306980  | C00879142 | 30/06/2023 |
| 852 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hằng       | 12/03/2004 | D2306981  | C00879143 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 853 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vô Lê Thảo Hiền        | 16/02/2004 | D2306982  | C00879144 | 30/06/2023 |
| 854 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Minh Hồng        | 12/05/2004 | D2306983  | C00879145 | 30/06/2023 |
| 855 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thanh Huyền   | 23/06/2004 | D2306984  | C00879146 | 30/06/2023 |
| 856 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Quan Khắc Khiết        | 04/11/2004 | D2306985  | C00879147 | 30/06/2023 |
| 857 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đàm Thị Ngọc Linh      | 21/10/2004 | D2306986  | C00879148 | 30/06/2023 |
| 858 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hà Linh           | 22/07/2004 | D2306987  | C00879149 | 30/06/2023 |
| 859 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lương Hồng Ly          | 16/01/2004 | D2306988  | C00879150 | 30/06/2023 |
| 860 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Mai             | 26/02/2004 | D2306989  | C00879151 | 30/06/2023 |
| 861 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Thị Nguyệt Nga      | 15/12/2004 | D2306990  | C00879152 | 30/06/2023 |
| 862 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Khánh Ngọc        | 15/11/2004 | D2306991  | C00879153 | 30/06/2023 |
| 863 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hà Nhi              | 12/11/2004 | D2306992  | C00879154 | 30/06/2023 |
| 864 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Diễm Quỳnh          | 17/04/2004 | D2306993  | C00879155 | 30/06/2023 |
| 865 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thanh Thảo    | 11/01/2004 | D2306994  | C00879156 | 30/06/2023 |
| 866 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh Thùy  | 21/06/2004 | D2306995  | C00879157 | 30/06/2023 |
| 867 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thanh Trà   | 05/02/2004 | D2306996  | C00879158 | 30/06/2023 |
| 868 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hà Trang    | 25/08/2004 | D2306997  | C00879159 | 30/06/2023 |
| 869 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Vân            | 13/01/2004 | D2306998  | C00879160 | 30/06/2023 |
| 870 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Sái Thị Thảo Ly        | 16/10/2003 | D2306999  | C00879161 | 30/06/2023 |
| 871 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Triệu Thị Vũ Thư       | 19/06/2003 | D2307000  | C00879162 | 30/06/2023 |
| 872 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Thị Thanh Thùy    | 26/12/2003 | D2307001  | C00879163 | 30/06/2023 |
| 873 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Tuấn Anh        | 25/03/2004 | D2307002  | C00879164 | 30/06/2023 |
| 874 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Quốc Bảo          | 23/11/2004 | D2307003  | C00879165 | 30/06/2023 |
| 875 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hồng Dương      | 04/08/2004 | D2307004  | C00879166 | 30/06/2023 |
| 876 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Hải Long        | 14/03/2003 | D2307005  | C00879167 | 30/06/2023 |
| 877 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khôi Nguyên     | 13/11/2004 | D2307006  | C00879168 | 30/06/2023 |
| 878 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Đăng Quang      | 13/02/2003 | D2307007  | C00879169 | 30/06/2023 |
| 879 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đinh Thị Ngọc Anh      | 26/11/2004 | D2307008  | C00879170 | 30/06/2023 |
| 880 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Lan Anh     | 29/08/2004 | D2307009  | C00879171 | 30/06/2023 |
| 881 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vương Thúy Hà          | 20/10/2004 | D2307010  | C00879172 | 30/06/2023 |
| 882 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thu Hiền            | 20/02/2004 | D2307011  | C00879173 | 30/06/2023 |
| 883 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Minh Hương          | 14/12/2004 | D2307012  | C00879174 | 30/06/2023 |
| 884 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Ngọc Khánh      | 29/03/2004 | D2307013  | C00879175 | 30/06/2023 |
| 885 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Thị Bảo Linh      | 07/04/2004 | D2307014  | C00879176 | 30/06/2023 |
| 886 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Thị Nga          | 04/01/2004 | D2307015  | C00879177 | 30/06/2023 |
| 887 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Ngọc           | 02/01/2004 | D2307016  | C00879178 | 30/06/2023 |
| 888 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Trang Nhung     | 12/08/2004 | D2307017  | C00879179 | 30/06/2023 |
| 889 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Xuân Thanh Thảo | 24/07/2004 | D2307018  | C00879180 | 30/06/2023 |
| 890 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Hà Anh              | 17/10/2004 | D2307019  | C00879181 | 30/06/2023 |
| 891 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Diệu Anh          | 26/02/2004 | D2307020  | C00879182 | 30/06/2023 |
| 892 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Quỳnh Chi   | 17/11/2004 | D2307021  | C00879183 | 30/06/2023 |
| 893 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Thị Diệu            | 03/05/2003 | D2307022  | C00879184 | 30/06/2023 |
| 894 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thuỳ Dương        | 10/11/2004 | D2307023  | C00879185 | 30/06/2023 |

| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 895 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Thanh Hải       | 04/12/2004 | D2307024  | C00879186 | 30/06/2023 |
| 896 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Doãn Thị Hoa           | 04/02/2004 | D2307025  | C00879187 | 30/06/2023 |
| 897 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thu Hồng    | 28/10/2004 | D2307026  | C00879188 | 30/06/2023 |
| 898 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hương       | 23/06/2004 | D2307027  | C00879189 | 30/06/2023 |
| 899 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lù Thị Khuê            | 12/08/2004 | D2307028  | C00879190 | 30/06/2023 |
| 900 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Kiều Thùy Linh         | 07/09/2004 | D2307029  | C00879191 | 30/06/2023 |
| 901 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thùy Linh         | 11/10/2004 | D2307030  | C00879192 | 30/06/2023 |
| 902 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Hương Ly          | 25/09/2004 | D2307031  | C00879193 | 30/06/2023 |
| 903 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trần Thị Thúy Nga      | 23/02/2004 | D2307032  | C00879194 | 30/06/2023 |
| 904 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Thảo Nguyên         | 20/03/2004 | D2307033  | C00879195 | 30/06/2023 |
| 905 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Triệu Bích Nhuận       | 08/01/2004 | D2307034  | C00879196 | 30/06/2023 |
| 906 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Như Quỳnh         | 10/03/2004 | D2307035  | C00879197 | 30/06/2023 |
| 907 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Thủy Thanh     | 07/05/2004 | D2307036  | C00879198 | 30/06/2023 |
| 908 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Thị Anh Thơ        | 03/04/2004 | D2307037  | C00879199 | 30/06/2023 |
| 909 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thu Trà           | 25/05/2004 | D2307038  | C00879200 | 30/06/2023 |
| 910 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Thu Trang       | 15/11/2004 | D2307039  | C00879201 | 30/06/2023 |
| 911 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Bích Vân    | 09/08/2004 | D2307040  | C00879202 | 30/06/2023 |
| 912 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Thị Thùy Linh    | 11/02/2004 | D2307041  | C00879203 | 30/06/2023 |
| 913 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Duyên       | 12/07/2003 | D2307042  | C00879204 | 30/06/2023 |
| 914 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Ngọc Mai        | 28/11/2003 | D2307043  | C00879205 | 30/06/2023 |
| 915 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Minh Trang       | 30/10/2003 | D2307044  | C00879206 | 30/06/2023 |
| 916 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Lý Bảo Ngọc      | 02/02/2004 | D2307045  | C00879207 | 30/06/2023 |
| 917 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Ngọc Ánh     | 23/01/2004 | D2307046  | C00879208 | 30/06/2023 |
| 918 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Quang Minh      | 14/03/2004 | D2307047  | C00879209 | 30/06/2023 |
| 919 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thành Nguyên      | 19/07/2004 | D2307048  | C00879210 | 30/06/2023 |
| 920 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Hà Anh           | 12/01/2004 | D2307049  | C00879211 | 30/06/2023 |
| 921 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương Anh  | 30/07/2004 | D2307050  | C00879212 | 30/06/2023 |
| 922 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Hoàng Phương Anh    | 23/04/2004 | D2307051  | C00879213 | 30/06/2023 |
| 923 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Diễm   | 02/07/2004 | D2307052  | C00879214 | 30/06/2023 |
| 924 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Thuý Dương  | 14/10/2004 | D2307053  | C00879215 | 30/06/2023 |
| 925 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Trịnh Thị Hoa          | 09/03/2004 | D2307054  | C00879216 | 30/06/2023 |
| 926 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Lê Minh Hương          | 28/06/2004 | D2307055  | C00879217 | 30/06/2023 |
| 927 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Diệu Linh           | 07/10/2004 | D2307056  | C00879218 | 30/06/2023 |
| 928 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Phương Linh | 07/05/2004 | D2307057  | C00879219 | 30/06/2023 |
| 929 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Tạ Phương Quý          | 09/11/2003 | D2307058  | C00879220 | 30/06/2023 |
| 930 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Minh Thảo         | 28/05/2004 | D2307059  | C00879221 | 30/06/2023 |
| 931 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Thị Quỳnh Trang     | 20/01/2004 | D2307060  | C00879222 | 30/06/2023 |
| 932 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Huyền Trang     | 01/02/2004 | D2307061  | C00879223 | 30/06/2023 |
| 933 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đoàn Phương Hà         | 17/09/2003 | D2307062  | C00879224 | 30/06/2023 |
| 934 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Vũ Quang Anh    | 31/12/2004 | D2307063  | C00879225 | 30/06/2023 |
| 935 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Việt Khôi       | 29/02/2004 | D2307064  | C00879226 | 30/06/2023 |
| 936 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Tú Anh           | 25/11/2004 | D2307065  | C00879227 | 30/06/2023 |



| STT | Tên phôi chứng chỉ         | Họ và tên              | Ngày sinh  | Số vào sổ | Số hiệu   | Ngày cấp   |
|-----|----------------------------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------|
| 937 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Vũ Thị Phương Anh      | 30/04/2004 | D2307066  | C00879228 | 30/06/2023 |
| 938 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Bảy             | 21/08/2004 | D2307067  | C00879229 | 30/06/2023 |
| 939 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Thị Thùy Dương    | 24/08/2004 | D2307068  | C00879230 | 30/06/2023 |
| 940 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Hiền           | 06/10/2004 | D2307069  | C00879231 | 30/06/2023 |
| 941 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Huyền       | 06/12/2004 | D2307070  | C00879232 | 30/06/2023 |
| 942 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Ngô Thị Hương          | 10/11/2004 | D2307071  | C00879233 | 30/06/2023 |
| 943 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Phạm Phương Ly         | 30/03/2004 | D2307072  | C00879234 | 30/06/2023 |
| 944 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Ngọc Minh   | 21/07/2004 | D2307073  | C00879235 | 30/06/2023 |
| 945 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hoàng Thị Nụ           | 01/07/2004 | D2307074  | C00879236 | 30/06/2023 |
| 946 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bì Thị Kim Ngân        | 13/11/2004 | D2307075  | C00879237 | 30/06/2023 |
| 947 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Minh Ngọc       | 15/07/2004 | D2307076  | C00879238 | 30/06/2023 |
| 948 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hà Kim Nguyệt          | 10/01/2004 | D2307077  | C00879239 | 30/06/2023 |
| 949 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Thị Hồng Phương | 25/04/2004 | D2307078  | C00879240 | 30/06/2023 |
| 950 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Bùi Lê Quyên           | 19/08/2004 | D2307079  | C00879241 | 30/06/2023 |
| 951 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Đỗ Thị Thanh Tâm       | 12/10/2004 | D2307080  | C00879242 | 30/06/2023 |
| 952 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Hồ Thị Thu Trang       | 14/01/2004 | D2307081  | C00879243 | 30/06/2023 |
| 953 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nguyễn Khánh Vy        | 17/05/2004 | D2307082  | C00879244 | 30/06/2023 |
| 954 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Mã Thị Diệp            | 13/09/2003 | D2307083  | C00879245 | 30/06/2023 |
| 955 | Phôi chứng chỉ GDQP-AN(HV) | Nông Thu Thảo          | 03/05/2003 | D2307084  | C00879246 | 30/06/2023 |

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Duy Quyết**

















































